

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú	
		Nam	Nữ				Trợ cấp BHXH	Hỗ trợ Covid-19		
6203	300	Vũ Thị Loan		01/01/36	270235319	ấp Tân Mai 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6204	301	Vũ Thị Ngừ		07/05/38	168334385	tổ 15 ấp Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6205	302	Vũ Thị Tín		01/01/38	272107041	tổ 5 ấp Đồng	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6206	303	Vũ Thị Yến		01/01/40	270235814	tổ 10A kp Tân Mai	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6207	304	Vũ Văn Mật		01/01/40	272848873	1146 kp Vườn Dừa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6208	305	Vương Thị Hới		01/01/33	272486886	1806 tổ 24A, Ấp Vườn Dừa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6209	306	Đỗ Thị Sáu		01/01/82	272470445	20 tổ 1, Tân Mai	Người đơn thân nghèo đang nuôi 01 con	300.000	1.500.000	
6210	307	Lê Thị Kim Châu		01/01/85	285093497	tổ 7 ấp Tân Lập	Người đơn thân nghèo đang nuôi từ 02 con trở lên	600.000	1.500.000	
6211	308	Trần Thị Liệu		01/01/70	272052952	1A tổ 24, Tân Mai	Người đơn thân nghèo đang nuôi từ 02 con trở lên	600.000	1.500.000	
6212	309	Trương Thị Nguyên		01/01/75	270557624	tổ 2 ấp Tân Lập	Người đơn thân nghèo đang nuôi từ 02 con trở lên	600.000	1.500.000	
6213	310	Bùi Quang Minh		01/01/67		20 tổ 2, ấp Miếu	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6214	311	Bùi Thị Mỹ Phúc		01/01/92		Tổ 25, Hương Phước	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6215	312	Bùi Văn Hoan		12/24/89	173260504	453, Tổ 9 Tân Cang	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6216	313	Châu Hồng Phước		01/01/66		Tổ 22 ấp Hương Phước	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6217	314	Đặng Minh Huân		08/03/70	271864784	Tổ 10 ấp Tân Mai 2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6218	315	Đặng Minh Thông		06/10/81	271607632	25 tổ 2 ấp Miếu	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6219	316	Đậu Duy Toàn		01/01/99		942 tổ 18, ấp Vườn Dừa	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6220	317	Đậu Nhất Duy		01/01/94	272437621	942, tổ 18, ấp Vườn Dừa	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
6221	Đỗ Thị Cẩm Loan		01/01/79		387 tổ 7, ấp Miếu	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6222	Đỗ Thị Liễu		10/10/69	272113855	8318 tổ 6 khu chung cư, Ấp Tân Cang	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6223	Đỗ Tống Hoàng Thông	07/25/01		272805798	ấp Tân Mai	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6224	Đỗ Văn Đạt	06/20/02		272387834	Tổ 28, ấp Vườn Dừa	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6225	Hàng Tấn Sê	01/01/61		270228280	262 tổ 8 ấp Miếu	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6226	Hồ Thị Mỹ Linh		01/01/87	271942008	509, tổ 9, Ấp Tân Cang	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6227	Hồ Thị Ngọc Hồng		01/01/89		Tổ 5, ấp Đồng	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6228	Hồ Xuân Lộc	01/01/00		271747147	904 tổ 18, Vườn Dừa	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6229	Hoàng Anh Trà	04/19/84			tổ 8 kp Tân Lập	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6230	Hoàng Ngọc Hân	01/01/78			306 tổ 7, Tân Lập	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6231	Hoàng Thị Cẩm Phương		01/01/93		466/3 tổ 1, Tân Lập	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6232	Hoàng Thị Hải		04/21/86	272717166	Tổ 3 ấp Hương Phước	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6233	Hoàng Thị Lý		06/12/71	272086778	1 tổ 21 ấp Tân Mai 2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6234	Hoàng Thị Ngân		03/21/95	272427410	Tổ 23, ấp Vườn Dừa	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6235	Hoàng Thị Thành	03/04/67			kp Tân Cang	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6236	Lâm Nguyễn Ngọc Châu	01/01/74		271594602	24 tổ 3, ấp Tân Cang	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6237	Lâm Quốc Bảo	01/01/70		270990484	ấp Tân Cang	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6238	Lâm Thái Hưng	01/01/84		271878196	26A1 tổ 3 ấp tân Cang	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6239	Lâm Thị Thái Hằng		01/01/75	271786621	26 tổ 3, ấp Tân Cang	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đội tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
6240	Lê Anh Tuấn	01/01/82		272466232	815 tổ 12, ấp Hương Phước	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6241	Lê Hoàng Anh	01/01/80		271476899	242 tổ 1, ấp Miếu	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6242	Lê Hữu Hoi	01/01/70			1114A tổ 20A ấp Vườn Dừa	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6243	Lê Minh Thông	11/19/83		271292488	tổ 4 ấp Đồng	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6244	Lê Thị Anh Tuyết		01/01/60		Tổ 4, ấp Miếu	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6245	Lê Văn Minh	12/20/81			270 kp Miếu	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6246	Lê Văn No	01/01/68		270978861	tổ 5 ấp Đồng	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6247	Lê Vũ Hoàng Nguyên	01/01/83			Tổ 11, ấp Miếu	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6248	Lư Thanh Trúc		06/10/91	270208161	Tổ 2 ấp Hương Phước	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6249	Ngô Quốc Cường	09/17/88			ấp Hương Phước	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6250	Ngô Văn Tín	01/01/60		270235862	37 tổ 13 ấp Tân Mai	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6251	Nguyễn Bình Đường	10/06/79		272715083	tổ 24 kp Vườn Dừa	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6252	Nguyễn Cao Tuấn	01/01/98			36A tổ 20, Tân Mai	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6253	Nguyễn Công Minh	05/13/85		132396991	305/57/3/12 kp Tân Cang	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6254	Nguyễn Đào Quỳnh Chi		12/13/02		1542 Tổ 25 ấp Vườn Dừa	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6255	Nguyễn Đỗ Hưng	11/14/02		270752011	269 tổ 8, ấp Miếu	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6256	Nguyễn Đoàn Tấn Sỹ	10/21/97		272544017	39 Tổ 11 Tân Mai	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6257	Nguyễn Duy Toàn	03/20/78		191387844	kp Tân Lập	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6258	Nguyễn Mạnh Cường	05/28/87		272735066	tổ 23 ấp Vườn Dừa	NKT đặc biệt nặng	600.000	600.000	Đã nhận 900.000 vé số

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
6259	Nguyễn Minh Tuấn	06/06/79			tổ 24C ấp Vườn Dừa	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6260	Nguyễn Minh Tuấn	01/01/85		272717806	461A tổ 7, ấp Miếu	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6261	Nguyễn Phú Thảo	08/18/03			17 Tổ 21, Tân Mai 2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6262	Nguyễn Quang	01/01/97			1513 tổ 11, Tân Mai	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6263	Nguyễn Quốc Dũng	11/30/85		272261249	ấp Miếu	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6264	Nguyễn Quốc Thắng	02/01/63		270229617	tổ 25 ấp Tân Mai 2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6265	Nguyễn Quốc Thanh	01/01/67		270990646	tổ 25 ấp Tân Mai 2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6266	Nguyễn Tám Ba	12/20/83		271786115	ấp Tân Mai 2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6267	Nguyễn Thái Dương	09/07/89		272866594	37b ấp Đồng	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6268	Nguyễn Thái Thành	12/28/61		270241810	tổ 11 ấp Tân Cang	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6269	Nguyễn Thành Danh	01/01/79		271331487	1740A tổ 24 ấp Vườn Dừa	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6270	Nguyễn Thành Luân	01/01/76		124003702	567E, Tổ 9 Ấp Miếu	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6271	Nguyễn Thanh Phong	01/01/66		270738931	ấp Đồng	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6272	Nguyễn Thanh Trúc		01/01/84		Tổ 9, Hương Phước	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6273	Nguyễn Thị Cẩm Vân		01/01/87	272006856	Tổ 3B, Hương Phước	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6274	Nguyễn Thị Dung		01/01/64		20 tổ 13, Ấp Tân Mai 2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6275	Nguyễn Thị Hồng		01/01/80	171779466	1760, Tổ 24 ấp Vườn Dừa	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6276	Nguyễn Thị Hồng		01/01/80	271349554	76C tổ 3 ấp Rạch Chiếc	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
6277	374	Nguyễn Thị Miến		01/01/81	20 tổ 9, Tân Mai II	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6278	375	Nguyễn Thị Mỹ Dung		01/01/95	84 tổ 1, ấp Đồng	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6279	376	Nguyễn Thị Mỹ Dung		01/01/78	Tổ 19, ấp Hương Phước	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6280	377	Nguyễn Thị Mỹ Lợi		01/01/75	4 tổ 4, ấp Đồng	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6281	378	Nguyễn Thị Năm		01/01/66	Tổ 1, khu Thống Nhất, ấp Đồng	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6282	379	Nguyễn Thị Nga		01/01/72	133 Tổ 6, Ấp Tân Càng	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6283	380	Nguyễn Thị Yến		01/01/75	254/6 tổ 7, Tân Lập	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6284	381	Nguyễn Thọ Huỳnh		01/01/60	Tổ 2, ấp Đồng	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6285	382	Nguyễn Thúy Anh		09/25/88	26A1 tổ 3 ấp tân Cang	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6286	383	Nguyễn Thùy Đăng Khoa		06/02/03	480A Tổ 6 ấp Miếu	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6287	384	Nguyễn Tiến Đạt		07/16/99	tổ 3 ấp Tân Lập	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6288	385	Nguyễn Tiến Hùng		05/08/63	02 tổ 11 ấp Tân Mai	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6289	386	Nguyễn Trần Phương Mây		01/01/94	Tổ 23, Tân Mai	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6290	387	Nguyễn Văn Búp		01/01/64	tổ 5 ấp Đồng	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6291	388	Nguyễn Văn Dân		02/15/87	tổ 3 ấp Hương Phước	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6292	389	Nguyễn Văn Dũng		01/01/89	Tổ 7, Hương Phước	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6293	390	Nguyễn Văn Hán		09/04/77	ấp Vườn Dừa	NKT đặc biệt nặng	600.000	600.000	Đã nhận 900.000 vé số
6294	391	Nguyễn Văn Minh		01/01/63	ấp Đồng	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6295	392	Nguyễn Văn Mùi		01/01/77	6 tổ 25, Tân Mai	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6296	393	Nguyễn Văn Tâm		01/01/90	2022 A4 tổ 27B, ấp Vườn Dừa	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
6297	394	Nguyễn Văn Thủy	01/01/82	162754295	1882A1 tổ 24, Vườn Dừa	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6298	395	Phạm Hồng Toàn	09/15/86	272500688	tổ 10A ấp Tân Cang	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6299	396	Phạm Hùng Ân	01/01/69	271953054	tổ 1 ấp Đồng	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6300	397	Phạm Quốc Đại	11/23/81	271429354	23 tổ 8, Ấp Tân Mai	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6301	398	Phạm Văn Bình	01/01/69		Tổ 9, ấp Tân Cang	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6302	399	Phạm Văn Thành	01/01/65	270738717	88 tổ 3 ấp Miếu	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6303	400	Phạm Văn Vũ	01/01/71		tổ 2 ấp Rạch Chiếc	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6304	401	Phan Thị Phương Thảo	07/21/03	233050774	572D Tổ 14, Hương Phước	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6305	402	Phan Trọng Tài	01/01/98		35 tổ 21, Tân Mai	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6306	403	Phan Văn Dũng	11/30/98	187533078	Ấp Tân Cang	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6307	404	Phan Văn Quang	10/26/92	187233889	Ấp Tân Cang	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6308	405	Phùng Minh Trung	01/01/74		Tổ 2 ấp Đồng	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6309	406	Phùng Thị Vân	01/01/85	272470892	12 Tổ 21 Ấp Tân Mai	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6310	407	Sú Phúc Tâm	01/01/91	270031791	Tổ 1, khu Nùng, ấp Tân Cang	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6311	408	Thạch Hiền	01/01/72	271123919	23 tổ 19 ấp Tân Mai	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6312	409	Thái Thị Thủy	11/26/87	271308484	5050 tổ 6, Ấp Miếu	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6313	410	Trần Công Cường	01/01/92		61 tổ 1, ấp Đồng	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6314	411	Trần Công Dũng	09/02/92	272086859	Tổ 20 Tân Mai	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6315	412	Trần Ngọc Duyên	01/01/83	040245426	2000A2 tổ 27B ấp Vườn Dừa	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6316	413	Trần Thị Bích Liên	10/20/90	272342537	tổ 21 ấp Vườn Dừa	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
6317	414	Trần Văn Toại	01/01/73		tổ 5 ấp Đồng	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6318	415	Trần Văn Tú	01/18/90	271950959	tổ 5 ấp Đồng	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6319	416	Trịnh Văn Danh	04/10/68	270738842	tổ 19 ấp Hương Phước	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6320	417	Trương Minh Cường	10/16/59	272501610	tổ 7 ấp Tân Mai	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6321	418	Trương Nghĩa Đức	05/04/77	023442070	20, Tổ 7 ấp Tân Mai	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6322	419	Trương Thị Trang	01/18/95	272576390	897C tổ 18 ấp Vườn Dừa	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6323	420	Võ Thị Ngọc Nữ	01/01/83		119 tổ 3, ấp Miếu	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6324	421	Võ Trọng Tân	08/28/90	272086176	Tổ 3 ấp Hương Phước	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6325	422	Võ Văn Diệu	10/19/84	271786318	Tổ 15 ấp Hương Phước	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6326	423	Võ Văn Sứ	09/02/74	272273974	833 tổ 12 ấp Hương Phước	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6327	424	Vũ Chí Công	01/01/81	272501820	37 Tổ 16 Ấp Tân Mai	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6328	425	Vũ Văn Lý	10/05/65		tổ 17B ấp Vườn Dừa	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6329	426	Vũ Văn Thái	01/01/76		1981 tổ 1, ấp Hương Phước	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6330	427	Vương Văn Hoạt	01/01/90	272370404	1582 tổ 26, Vườn Dừa	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6331	428	Bùi Thị Đình	01/01/47	184263245	tổ 21 ấp Tân Mai 2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6332	429	Bùi Thị Mai Tuyết	01/01/53	270752609	Tổ 3 ấp Tân Cang	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6333	430	Đặng Hữu Đức	01/01/56	270228438	tổ 6 ấp Đồng	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6334	431	Đào Thị Bưởi	01/01/36		Tổ 2, rạch ché	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6335	432	Đinh Thị Dung	03/15/60	270045403	tổ 18 kp Tân Mai	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
6336	Đinh Thị Thắm	12/12/46		271786485	458 tổ 10 ấp Hương Phước	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6337	Đinh Thị Tuyết Phương		12/11/57	272616891	Tổ 17 ấp Vườn Đừa	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6338	Đỗ Thị Bình		12/04/48	272209289	tổ 2 ấp Tân Mai 2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6339	Đỗ Tuấn Dũng	05/27/56		270738811	tổ 9 ấp Tân Mai	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6340	Đỗ Văn Hà	01/01/55		272084794	tổ 1 ấp Đồng	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6341	Đoàn Thị Huynh		01/01/52	270111692	tổ 1 ấp Tân Mai 2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6342	Hoàng Thị Xuân		01/01/34	272031224	Ấp Tân Mai 2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6343	La Thị Cọ		01/01/29	270228867	68 tổ 3, ấp Hương Phước	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6344	Lê Phước Sang	01/01/40			48 tổ 4, ấp Hương Phước	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6345	Lê Thị Bá		06/01/35	271461589	tổ 2 ấp Tân Mai 2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6346	Lê Thị Nụ		01/01/51	170859528	tổ 18 ấp Vườn Đừa	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6347	Lê Thị Tương		08/19/48	272279650	tổ 26 ấp Vườn Đừa	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6348	Liêm U Chải		01/01/52	270228433	tổ 1 ấp Đồng	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6349	Lương Quý Trung	01/01/59		270235606	24 tổ 10, ấp Tân Mai	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6350	Mai Thị Mai		01/01/50	272371577	17, Tổ 18 ấp Tân Mai	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6351	Nguyễn Ngọc Nhẫn	01/01/36			tổ 2 ấp Đồng	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6352	Nguyễn Như Hùng	04/05/53		270244205	26 tổ 4, Hương Phước	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6353	Nguyễn Thành Nhơn	01/01/53			101 tổ 3, Ấp Miếu	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6354	Nguyễn Thị Bảo		01/01/36		tổ 24 ấp Vườn Đừa	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
6355	452	Nguyễn Thị Giặc	01/01/49		339 tổ 6 ấp Đồng	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6356	453	Nguyễn Thị Huệ	01/01/54	272116253	tổ 2 ấp Miếu	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6357	454	Nguyễn Thị Huy	01/01/36	272084929	ấp Đồng	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6358	455	Nguyễn Thị Lương	02/02/32	270242172	Tổ 6, Tân Lập	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6359	456	Nguyễn Thị Múc	01/01/35	270147154	tổ 2 ấp Hương Phước	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6360	457	Nguyễn Thị Xâm	01/01/44	270228929	Tổ 14, ấp Hương Phước	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6361	458	Nguyễn Thới	06/16/58	272084088	1009 Tổ 19 ấp Hương Phước	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6362	459	Nguyễn Văn Hoàng	07/15/52	270230000	ấp Miếu	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6363	460	Nguyễn Văn Huệ	01/02/33	272101030	1155 tổ 16, Ấp Hương Phước	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6364	461	Nguyễn Văn Hùng	01/01/33	270229595	153 tổ 13, Ấp Miếu	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6365	462	Nguyễn Văn Lãi	01/01/31	270229780	15A tổ 2, ấp Miếu	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6366	463	Nguyễn Văn Quý	09/17/42	270244054	tổ 6 ấp Hương Phước	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6367	464	Nguyễn Xuân Thái	01/01/34	270990162	Ấp Tân Mai 2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6368	465	Phạm Thị Loan	05/10/55	180337729	Tổ 7, ấp Hương Phước (Tạm trú)	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6369	466	Phạm Thị Sa	01/01/41	270229656	Tổ 4 ấp Miếu	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6370	467	Phạm Văn Khả	01/01/50		tổ 17B kp Hương Phước	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6371	468	Phạm Văn Ngộ	01/01/36		ấp Đồng	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6372	469	Phan Cao Thắng	09/12/40	272101664	375 ấp Tân Lập	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6373	470	Trần Anh Minh	04/10/58	271976748	1255 tổ 23, ấp Hương Phước	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6374	471	Trần Lập	06/04/54	272470947	tổ 9 ấp Miếu	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6375	472	Trần Thị Càng	01/01/35	270235581	tổ 6 ấp Tân Mai	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
6376	Trần Thị Chuyên		01/01/33	270235706	23 tổ 10, Ấp Tân Mai 2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6377	Trần Thị Huệ		01/01/47	180291858	Tổ 9B, ấp Miếu	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6378	Trần Thị Lanh		01/01/57	160705311	1521 tổ 26, ấp Vườn Dừa	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6379	Trần Thị Nhung		03/01/53	272317178	1870A tổ 27A ấp Vườn Dừa	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6380	Trần Thị Thủy		10/03/54	360445589	tổ 3 ấp Đồng	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6381	Trần Thị Vân		01/01/26	272300675	15 tổ 16, ấp Tân Mai	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6382	Trần Thị Văn		05/05/45		kp Hương Phước	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6383	Trần Văn Vượng	10/09/58		272309006	tổ 8 ấp Hương Phước	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6384	Trương Văn Thành	06/20/59		271125251	312 tổ 11, ấp Miếu	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6385	Võ Thị Thơm		01/01/64		tổ 7 ấp Miếu	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6386	Vũ Trí Tâm	10/02/55		272078596	tổ 10B ấp Miếu	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6387	Bùi Hoài Lưu	10/31/04			tổ 6 ấp Miếu	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6388	Bùi Hữu Nam	04/28/08			tổ 34 ấp Vườn Dừa	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6389	Bùi Thị Lan Anh		11/05/03	164071024	Tổ 6, ấp Tân Lập	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6390	Chu Hào Tâm Như		01/01/09		Tổ 15, Hương Phước	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6391	Chu Nguyễn Băng Tâm		06/08/11		ấp Tân Mai	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6392	Đào Hải Anh	01/26/16			tổ 21 ấp Hương Phước	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6393	Đỗ Thanh Hiền		11/18/11		32 tổ 20 ấp Tân Mai	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6394	Đoàn Minh Hiếu	10/23/14			tổ 8 kp Tân Cang	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
6395	Dương Đình Quý	04/18/17			144/1 ấp Tân Cang	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6396	Dương Văn Mạnh	08/15/04			494 A5 ấp Hương Phước	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6397	Hà Lê Minh Quang	03/14/18			tổ 45 ấp Vườn Dừa	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6398	Hồ Nguyễn Hải Đăng	12/08/11			tổ 24 ấp Hương Phước	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6399	Hoàng Khánh Linh		06/06/12		tổ 26B ấp Vườn Dừa	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6400	Hoàng Thị Thủy Trâm		01/01/07		1448 A5, Tổ 22 Ấp Vườn Dừa	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6401	Hoàng Văn Nam An	06/10/10			tổ 16 ấp Hương Phước	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6402	Hoàng Yến Nhi		05/23/11		Tổ 19 ấp Vườn Dừa	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6403	Lê Bảo Châu	10/09/13			tổ 9 ấp Hương Phước	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6404	Lê Hà Kim Loan		11/13/12		tổ 18 ấp Vườn Dừa	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6405	Lê Hồng Ngọc		11/10/08		tổ 3 ấp Miếu Phước	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6406	Lê Nguyễn Hữu Danh	09/03/10			tổ 23, ấp Hương Phước	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6407	Lê Thị Vân Anh		01/01/04	272470442	1582A tổ 26A, Vườn Dừa	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6408	Lê Tiến Thành	04/30/06			Ấp Tân Cang	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6409	Lê Văn Thanh Tùng	04/19/06			1107, tổ 17, ấp Hương Phước	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6410	Lương Nguyễn Trường Giang	07/16/05			1205B tổ 16 ấp Hương Phước	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6411	Mai Nguyễn Yến Nhi		01/01/07		Tổ 14, Hương Phước	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
6412	Ngô Đức Gia Bảo	01/05/10			tổ 18 Hương Phước	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6413	Ngô Trí Phúc	05/17/16			tổ 15 ấp Hương Phước	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6414	Ngô Trương Bảo Vy		07/12/09		tổ 1 ấp Hương Phước	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6415	Nguyễn Đỗ Anh Kiệt	01/01/07			1883 tổ 29, Vườn Dừa	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6416	Nguyễn Duy Nam	10/05/12			229C tổ 1A ấp Miếu	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6417	Nguyễn Hải Anh Tú	04/07/10			tổ 20 ấp Vườn Dừa	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6418	Nguyễn Hòa Hiệp	10/02/09			Tổ 8 ấp Miếu	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6419	Nguyễn Hoàng Thiên Hương		10/04/16		tổ 3 ấp Hương Phước	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6420	Nguyễn Khánh Việt	04/19/14			tổ 15A ấp Hương Phước	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6421	Nguyễn Lê Bảo Nhi		07/04/11		tổ 26 ấp Vườn Dừa	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6422	Nguyễn Ngọc Bảo Hân		03/28/14		Áp Vườn Dừa	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6423	Nguyễn Phạm Huỳnh Hương		06/29/15		58/B ấp Rạch Chiếc	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6424	Nguyễn Phúc Phú Sơn	10/25/13			tổ 20 ấp Vườn Dừa	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6425	Nguyễn Tấn Lộc	06/14/10			tổ 2 kp Rạch Chiếc	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6426	Nguyễn Thành Tài	06/20/11			Tổ 6 ấp Hương Phước	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6427	Nguyễn Thị Hoài Thu		01/15/05		Tổ 17 ấp Hương Phước	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6428	Nguyễn Thị Kim Anh		07/26/04		tổ 9 ấp Tân Cang	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6429	Nguyễn Thị Loan		05/08/09		Tổ 5, Ấp Đồng	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
6430	527	Nguyễn Thị Mai Phương		10/14/10	Tổ 3, Hương Phước	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6431	528	Nguyễn Thúy Diễm		08/18/12	ấp Tân Mai 2	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6432	529	Nguyễn Trung Nguyễn	09/01/07		tổ 10 ấp Hương Phước	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6433	530	Nguyễn Tuấn Dũng	08/09/06		tổ 9 ấp Tân Cang	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6434	531	Nguyễn Việt Hoàng	01/01/08		1284 tổ 8, ấp Miếu	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6435	532	Nguyễn Vũ Thảo Nguyễn		01/01/18	tổ 12 ấp Tân Cang	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6436	533	Phạm Lê Huy Hoàng	12/31/10		tổ 11 ấp Miếu	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6437	534	Phạm Thị Anh Thư		06/30/12	Tổ 20B ấp Vườn Dừa	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6438	535	Phạm Thị Nhã Uyên		06/19/13	tổ 5 ấp Hương Phước	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6439	536	Phạm Tuấn Bảo	05/30/11		Tổ 15, ấp Tân Mai	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6440	537	Phạm Văn Thắng	02/20/05		Tổ 15 ấp Hương Phước	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6441	538	Phạm vũ Minh Phát	07/10/13		tổ 27B ấp Vườn Dừa	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6442	539	Phạm Đức Mạnh	12/07/11		tổ 44 kp Vườn Dừa	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6443	540	Phan Võ Bảo Quyền	10/30/14		tổ 14 ấp Hương Phước	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6444	541	Phan Vũ Mai Anh		01/01/06	570 Tổ 14, Hương Phước	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6445	542	Thái Minh Thảo Phương		06/23/13	tổ 12 ấp Hương Phước	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6446	543	Tổng Mai Chi		06/22/11	Tổ 9 ấp Hương Phước	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
6447	Trần Khánh Nhi		07/06/11		tổ 21 ấp Hương Phước	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6448	Trần Ngọc Mến		06/19/14		tổ 2 ấp Hương Phước	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6449	Trần Ngọc Thanh	08/29/05			Tổ 23 ấp Tân Mai	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6450	Trần Quang Bảo	10/28/11			50D1 tổ 3 ấp Hương Phước	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6451	Trần Thanh Trúc My		09/23/08		tổ 14 ấp Hương Phước	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6452	Trần Thảo Vy		08/13/11		tổ 25 ấp Vườn Dừa	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6453	Trương Thị Minh Hạnh		05/07/13		tổ 17 ấp Vườn Dừa	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6454	Võ Như Ý		05/31/10		tổ 10 ấp Hương Phước	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6455	Võ Quốc Thái	04/30/11			Tổ 21B ấp Vườn Dừa	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6456	Vũ Đình Minh	04/14/16			tổ 21 ấp Vườn Dừa	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6457	Vũ Dương Khánh Hưng	09/27/09			3 Tổ 9 ấp Tân Mai	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6458	Vũ Xuân Định	01/01/10			Tổ 9A ấp Miếu	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6459	Bạch Văn Dũng	01/01/63		270242262	253 tổ 4, Ấp Tân Lập	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6460	Bùi Đại Hai	02/10/75		272101639	tổ 5 ấp Tân Cang	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6461	Bùi Ngọc Đồng	01/01/82		272101510	179/4 tổ 8, ấp Tân Lập	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6462	Bùi Thanh Phúc		01/01/88	271820074	tổ 7 kp Miếu	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6463	Bùi Thị Diễm		01/01/82	168014448	Tổ 2, ấp Hương Phước	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6464	Bùi Thị Tuyết		01/01/81	271429169	18 tổ 4, Tân Mai	NKT nặng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
6465	Đặng Thị Lem		01/01/72		42 tổ 14, ấp Miếu 1523 tổ 24 ấp Vườn Dừa	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6466	Đinh Quang San	01/01/69		271062160	tổ 24 kp Vườn Dừa	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6467	Đỗ Thị Thu Huyền		11/04/00	276999152		NKT nặng	450.000	1.500.000	
6468	Dương Văn Vinh	01/01/76		272533868	14 Tổ 23 Ấp Tân Mai 2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6469	Hà Thị Thanh Minh		10/07/59	272101006	tổ 10 ấp Đồng	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6470	Hồ Quang Trạng	07/11/60		270738533	tổ 12, ấp tân mai	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6471	Hồ thị Thùy Trinh		12/29/89		tổ 15 ấp Hương Phước	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6472	Hồ Thị Xuyên		10/20/90	272066023	kp Tân Mai 2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6473	Hoàng Thị Châu		01/01/68	272086191	Tổ 29 ấp Vườn Dừa	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6474	Hoàng Thị Thơm		01/01/65		31 tổ 11, Tân Mai II	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6475	Huỳnh Văn Tân	01/01/66		270738790	Tổ 14, ấp Miếu	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6476	Lại Minh Sang	01/01/71		270978529	ấp Miếu	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6477	Lại Thị Hiền		01/01/77	271306704	1893 tổ 29, Vườn Dừa	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6478	Lâm Chí Tài	08/10/64		270235420	tổ 5 ấp Tân Mai 2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6479	Lâm Ngọc Mai Dung		06/27/65	270752262	Tổ 20 ấp Tân Mai 2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6480	Lê Kim Thanh	07/26/94		272317869	3/1 tổ 5 ấp Miếu	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6481	Lê Thanh Phong	01/01/77		272209838	129 tổ 3, ấp Miếu	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6482	Lê Thị Bé Tư		01/01/91		tổ 12 ấp Tân Mai 2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6483	Lê Thị Kịch		06/05/62	270244003	73 kp Đồng	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6484	Lê Trường Vinh	01/01/74		271125273	108 tổ 2, Ấp Đồng	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6485	Lê Văn Trường	11/06/91		272084113	tổ 5 ấp Đồng	NKT nặng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
6486	583	Loan Đức Thắng	01/01/62	270241624	466 tổ 1, khu Nùng, ấp Tân Lập	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6487	584	Ngô Đức Khá	01/01/62	272317304	tổ 3 khu Tỉnh Thương ấp Tân Lập	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6488	585	Nguyễn Cao Dũng	01/01/69	276999451	tổ 2 kp Đồng	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6489	586	Nguyễn Hữu Thế	01/01/62	270241664	tổ 3 ấp Tân Lập	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6490	587	Nguyễn Thanh Dũng	01/01/62		147/5 tổ 2, Tân Lập	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6491	588	Nguyễn Thanh Xuân		271607223	Tổ 1,ấp Miếu	NKT nặng	450.000	600.000	Đã nhận 900.000 vé số
6492	589	Nguyễn Thị Hòa		270737616	tổ 4 ấp Miếu	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6493	590	Nguyễn Thị Kim Hương		270752917	138 tổ 4, Hương Phước	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6494	591	Nguyễn Trung Kiên	02/18/03	272966726	kp Tân Mai	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6495	592	Nguyễn Văn Diệp	01/01/84	272351862	Tổ 15,Ấp Hương Phước	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6496	593	Nguyễn Văn Dương	03/09/81	271492506	Áp Đồng	NKT nặng	450.000	600.000	Đã nhận 900.000 vé số
6497	594	Nguyễn Văn Lượng	01/01/61	272180356	1987 tổ 1, Hương Phước	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6498	595	Nguyễn Văn Mên	01/01/60		tổ 2 ấp Đồng	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6499	596	Nguyễn Văn Nghĩa	01/01/68		tổ 3 ấp Tân Lập	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6500	597	Nguyễn Xuân Huy	10/17/80	194240956	tổ 12 kp Hương Phước	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6501	598	Phạm Chánh Nhứt	01/01/91	272066771	tổ 1 ấp Miếu	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6502	599	Phạm Hùng Hóa	09/14/66	270752332	tổ 1 ấp Đồng	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6503	600	Phạm Nguyễn Thanh Nhi		08/06/03	1826A5 ấp Vườn Dừa	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6504	601	Phạm Tuấn Thành	09/12/00		Tổ 17 ấp Vườn Dừa	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6505	602	Tô Kim Thu		270990443	tổ 4 ấp Tân Lập	NKT nặng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BHXH	Hỗ trợ Covid-19	
6506	603	Trần Đình Giang	05/19/75	182153779	tổ 11 ấp Hương Phước	NKT nặng	450.000	600.000	Đã nhận 900.000 vé số
6507	604	Trần Thu Hằng	09/30/00		tổ 24 kp Vườn Dừa	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6508	605	Trần Văn Vàng	01/01/73	271697128	Ấp Tân Mai	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6509	606	Trần Việt Tường	12/24/00	272993609	tổ 9 kp Miếu	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6510	607	Trương Trung Cang	03/26/87	272179228	tổ 10B ấp Miếu	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6511	608	Trương Văn Công	04/28/83	272508590	tổ 14 ấp Hương Phước	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6512	609	Vũ Đức Duy	01/01/85	272086982	15/7/1 tổ 2, Tân Lập	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6513	610	Vũ Thị Hải		01/01/63	2/53 tổ 4 ấp Miếu	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6514	611	Vũ Thị Ngộ		12/02/77	1863A tổ 28D, ấp Vườn Dừa	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6515	612	Vũ Thị Tuyền		01/01/91	598 tổ 10,ấp Miếu	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6516	613	Vương Đức Vinh	02/15/63	272463172	126/1A Tổ 5 Tân Cang	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6517	614	Bạch Ngọc Quang	01/01/51	271331259	298 tổ 3,ấp Đồng	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
6518	615	Bùi Minh Hoàng	11/17/49	272938634	tổ 20 ấp Vườn Dừa	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
6519	616	Bùi Thị Thanh		11/01/48	tổ 2 ấp Hương Phước	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
6520	617	Cao Văn Xinh	01/01/56	270235522	Tổ 15 Tân Mai	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
6521	618	Chu Đình Chấn	01/01/49	272678208	573 tổ 10,ấp Miếu	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
6522	619	Cổ Văn Thép	08/15/50	270229574	tổ 6 ấp Miếu	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
6523	620	Đàm Quang Thành	02/03/59	272748431	tổ 3 ấp Tân Cang	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
6524	621	Đặng Thị Kim Đoàn		01/01/41	tổ 5 ấp Đồng	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
6525	622	Đặng Thị Lùng		01/01/47	Tổ 6, khu Thống Nhất,Ấp Đồng	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
6526	Đỗ Thị Phấn		03/29/50	270234128	Kp Rạch Chiếc	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
6527	Dương Thị Tuyết		01/01/58	272717494	Tổ 25, ấp Hương Phước	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
6528	Hoàng Thị Hòa		01/01/58		ấp Tân Mai 2	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
6529	Hoàng Thị Mơ		05/10/49	272084383	tổ 14 ấp Hương Phước	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
6530	Lại Kim Nhân	01/01/56		270295558	Tổ 6, ấp Hương Phước	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
6531	Nguyễn Đắc Tại	01/01/57		301221886	1366 Tổ 21 ấp Vườn Dừa	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
6532	Nguyễn Kim Liên		01/01/56	270029619	31 tổ 12 ấp Tân Mai	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
6533	Nguyễn Kim Tuyết		01/01/57	272195449	ấp Miếu	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
6534	Nguyễn Thị Sang		01/02/46	272066540	ấp Miếu	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
6535	Nguyễn Thị Trinh		01/01/47	270244134	tổ 2 ấp đồng	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
6536	Nguyễn Thị Tuất		10/02/56		tổ 19 ấp Vườn Dừa	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
6537	Nguyễn Thị Xê		01/01/39	272258980	35 tổ 25 ấp Tân Mai 2	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
6538	Nguyễn Văn Bảo	01/01/52		272427428	992A1 tổ 19, Vườn Dừa	NKT nặng là NCT	600.000	600.000	Đã nhận 900.000 vé số
6539	Nguyễn Văn Cư	01/01/39		270228971	Tổ 2, ấp Đồng	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
6540	Nguyễn Văn Nở	11/25/43		270229586	tổ 5, ấp miếu	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
6541	Nguyễn Xuân Thuận	10/12/57		271895478	tổ 1 ấp Tân Lập	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
6542	Phạm Đức Thắng	10/27/57		270235664	Tổ 12 ấp Tân Mai 2	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
6543	Phạm Hùng Dũng	01/01/59		270229977	185 tổ 2, ấp Đồng	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
6544	Phạm Văn Tuyền	01/01/59		271566307	49 tổ 23, Tân Mai II	NKT nặng là NCT	600.000	600.000	Đã nhận 900.000 vé số
6545	Phạm Văn Vượng	03/30/59		272086190	tổ 19 ấp Hương Phước	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
6546	Trần Thị Sang		01/01/57	270292341	Tổ 1, Tân Cang	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
6547	Trương Thị Em		01/01/54	270229141	1/37, ấp Miếu	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
6548	Chu Quốc Năng	04/11/13			tổ 9A kp Miếu	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
6549	Chung Phạm Thùy Mỹ		05/06/10		tổ 19 ấp Hương Phước	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
6550	Đặng Nguyễn Lam Trường	08/11/11			tổ 14 ấp Hương Phước	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
6551	Đinh Thị Thu Hương		06/15/10		tổ 12 ấp Miếu	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
6552	Đoàn Quốc Huy	07/16/13			tổ 21C kp Vườn Dừa	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
6553	Dương Gia Huy	07/27/11			tổ 9 ấp Tân Cang	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
6554	Dương Ngọc Như Ý		11/26/09		494A5 tổ 13 ấp Hương Phước	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
6555	Hồ Bảo Trâm		09/06/07		ấp Tân Mai	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
6556	Hồ Dương Trọng Nghĩa	06/10/12			tổ 9 ấp Hương Phước	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
6557	Hồ Lương Minh Tâm	11/01/08			tổ 8 ấp Hương Phước	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
6558	Hoàng Xuân Cường	10/03/04			tổ 28 ấp Vườn Dừa	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
6559	Huỳnh Hoàng Quân	09/02/12			tổ 2 ấp Hương Phước	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
6560	Lê An Bình Thuận	07/26/11			945 tổ 16 ấp Hương Phước	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
6561	Lê Quang Thanh	09/24/16			tổ 3 ấp Hương Phước	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
6562	Lê Trung Cường	09/01/09			tổ 7 kp Hương Phước	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
6563	Ngô Lê Viết Lâm	03/16/07			1074B ấp Vườn Dừa	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
6564	Nguyễn Anh Tú	11/15/13			tổ 5 kp Tân Lập	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
6565	Nguyễn Bình Châu	08/07/05			tổ 21 ấp Vườn Dừa	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
6566	Nguyễn Cao Khắc Thịnh	10/08/12			tổ 10 ấp Miếu	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
6567	Nguyễn Chí Thành	04/03/09			ấp Rạch Chiếc	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
6568	Nguyễn Gia Hân		09/23/10		tổ 21 ấp Vườn Đừa	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
6569	Nguyễn Hoàng Minh Thông	08/20/05			ấp Tân Mai 2	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
6570	Nguyễn Hữu Sang	01/01/04		272529374	Tổ 2 ấp Tân Mai	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
6571	Nguyễn Lê Tuấn Long	08/17/12			1784 kp Vườn Đừa	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
6572	Nguyễn Long Nhật	10/28/06			tổ 9E ấp Miếu	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
6573	Nguyễn Nhật Minh	10/19/06			tổ 10A ấp Miếu	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
6574	Nguyễn Quốc Dũng	11/18/08			Ấp Tân Mai	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
6575	Nguyễn Quốc Hùng	10/05/06			tổ 13 ấp Hương Phước	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
6576	Nguyễn Thành Đạt	11/18/05			tổ 6 kp Miếu	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
6577	Nguyễn Thanh Phong	09/30/03			Tổ 16, ấp Hương Phước	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
6578	Nguyễn Thị Khánh Vân		08/04/05		tổ 23 kp Hương Phước	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
6579	Nguyễn Thị Như Ngọc		03/29/08		ấp Tân Cang	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
6580	Nguyễn Thị Tường Vy		06/30/17		tổ 25 ấp Tân Mai	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
6581	Nguyễn Văn Gia Bảo	12/19/08			1084A1 tổ 20 ấp Vườn Đừa	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
6582	Nguyễn Việt Hoài Nam	01/16/07			tổ 21 Vườn Đừa	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
6583	Phạm Bảo Khang	10/30/05			58 kp Tân Mai 2	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
6584	Phạm Đăng Khiêm	11/22/07			tổ 29 kp Hương Phước	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
6585	Phạm Đăng Phong	08/03/13			tổ 19 kp Hương Phước	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
6586	Phạm Hai Anh	07/14/12			tổ 3 kp Hương Phước	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BHXH	Hỗ trợ Covid-19	
6587	Phạm Minh Long	02/09/09			tổ 20 ấp Tân Mai	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
6588	Phạm Phúc Thiện	12/29/05			303 tổ 3 ấp Đồng	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
6589	Phạm Trọng Nghĩa	04/12/10			tổ 3 ấp Hương Phước	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
6590	Phan Thị Thanh Xuân		01/03/11		tổ 26 ấp Vườn Dừa	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
6591	Trần Hữu Khánh	08/19/13			tổ 11 ấp Hương Phước	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
6592	Trần Minh Anh		01/15/05		Tổ 26A, Vườn Dừa	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
6593	Võ Trung Nguyên	10/08/06			tổ 24 ấp Vườn Dừa	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
6594	Vũ Gia Bảo	08/27/13			tổ 21 kp Vườn Dừa	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
6595	Phạm Thị Chi		06/09/85		tổ 9E kp Miếu	Người KTDBN, NKTN đang mang thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi	450.000	1.500.000	
6596	Chau Thị Ánh Hồng		01/01/99	272717388	12 tổ 18, ấp Tân Mai	Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
6597	Chu Thị Hồng Ánh		01/05/02	272965016	12 tổ 18, ấp Tân Mai	Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
6598	Võ Ngọc Bích		01/01/02	271809726	22 tổ 1 ấp Rạch Chiec	Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
6599	Võ Thị Hồng Trinh		02/24/88		tổ 3 ấp Miếu	Người từ 16 tuổi trở lên bị nhiễm HIV thuộc hộ nghèo	450.000	1.500.000	
6600	Lâm Đăng Quang	12/06/15			26A1 tổ 3 ấp Tân Cang	Trẻ em từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
6601	Lê Văn An	10/14/15			tổ 12 ấp Tân Mai 2	Trẻ em từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
6602	Nguyễn Tấn Phúc	10/01/17			ấp Miếu	Trẻ em dưới 4 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng	750.000	1.500.000	
6603	Võ Ngọc Xuân Mai		02/08/16		tổ 3 ấp Miếu	Trẻ em từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
6604	Võ Xuân Thi	10/13/17			tổ 21 ấp Vườn dừa	Trẻ em dưới 4 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng	750.000	1.500.000	
6605	Đặng Gia Hào	08/13/11			tổ 7 ấp Đồng	Trẻ em từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
6606	Đặng Hoàng Thanh Dung		08/22/05		tổ 2 ấp Đồng	Trẻ em từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
6607	Lại Ngọc Kiều Vy		01/01/07		194A tổ 1 ấp Miếu	Trẻ em từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
6608	Lê Thị Thu Thảo		02/26/06		tổ 31 ấp Hương Phước	Trẻ em từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
6609	Lê Triệu Sơn	08/18/05			360/12 tổ 4 ấp Tân Cang	Trẻ em từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
6610	Lưu Khả Hân		04/11/12		tổ 3 ấp Miếu	Trẻ em từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
6611	Lưu Thị Hồng Nhung		01/05/11		tổ 3 ấp Miếu	Trẻ em từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
6612	709	Nguyễn Tấn Phát	05/13/14		ấp Miếu	Trẻ em từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
6613	710	Nguyễn Thị Cẩm Tú	07/06/07		tổ 3B ấp Hương Phước	Trẻ em từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
6614	711	Phạm Minh Hiếu	09/19/04	271331563	tổ 1 ấp Rạch Chiếc	Trẻ em từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
6615	712	Phan Quốc Dương	01/16/05		tổ 5 ấp Tân Lập	Trẻ em từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
6616	713	Trương Thanh Tuyển	06/09/14		tổ 10B ấp Miếu	Trẻ em từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
6617	714	Trương Trung Hiếu	11/26/12		tổ 10B ấp Miếu	Trẻ em từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
6618	715	Võ Nhật Duy	01/01/05		360 tổ 13,ấp Miếu	Trẻ em từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
XIV. PHƯỜNG QUANG VINH									
6619	1	Bùi Thị Hai	01/01/32	270068444	59/70/7 Phan Đình Phùng	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6620	2	Bùi Thị Kiều	01/01/38	270142196	D10 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6621	3	Châu Thị Bé	01/01/36	270070933	62/19/14, CMT8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6622	4	Chu Thị Tân	01/01/23		59/11/2/28 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6623	5	Cung Thắng	01/01/32	270070835	62/19/32 CMT8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6624	6	Đặng Thị Bông	05/20/33	270079571	62/86 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6625	7	Đặng Thị Bông	01/01/36	272436778	59/85, Phan Đình Phùng	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6626	8	Đặng Thị Kiêm	01/01/31	270079435	223/26/12 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
6627	Đặng Văn Cước	01/01/36			59/70/16, Phan Đình Phùng	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6628	Đào Ngọc Vân		01/01/39	270070233	158/48/85/2 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6629	Đào Thị Chúc		01/01/26		119/8, KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6630	Đào Thị Ngọc		06/18/34	270068276	77/51/1 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6631	Đào Thị Tường		01/01/32	270070395	158/48/2 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6632	Đào Văn Khế	08/12/37		270891670	59/52 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6633	Đinh Thị Chín		01/01/34	270061839	17/4 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6634	Đinh Thị May		01/01/33	270068938	109/47 Kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6635	Đinh Văn Nghệ	01/01/29		270070815	62/19/18/1H kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6636	Đinh Văn Thọ	01/01/36		270070069	9/4, CMT8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6637	Đỗ Hạnh Phúc	08/01/39		270068606	63 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6638	Đỗ Thị Ngọc		01/01/36	272189620	62/24/4A, kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6639	Đỗ Thị Phấn		01/01/32	270068398	59/68 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6640	Đỗ Thị Thoa		01/01/27	270079054	21 Phan Đình Phùng kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6641	Đỗ Văn Thế	01/01/36		270068150	77/5, Phan Đình Phùng	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6642	Đoàn Thị Có		01/01/35	270070432	62/24 CMT8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6643	Đoàn Văn Duy	01/01/30		270079623	239/4 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6644	Dư Chi		01/01/34	270070053	25/1 CMT8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6645	Dương Sâm Muối		01/01/36	271657430	11/10 PCT	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6646	Dương Thị Ba		01/01/35	270083164	128/14	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6647	Dương Thị Công		01/01/38	270079715	259 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6648	Dương Thị Mỹ		08/06/36	272489239	A2 tổ 20 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6649	Dương Thị Phi		01/01/34	270068520	59/55/28 Phan Đình Phùng	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6650	Hà Thế Sẻ	01/01/30		270079046	109/20 Phan Chu Trình kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6651	Hà Thị Hữu		01/01/39	270070054	27/12 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6652	Hà Thị Trúc		01/01/37		77/21/22Đ kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6653	Hồ Thị Kiên		01/01/36	270061557	134/5, kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6654	Hồ Thị Nghiễn		01/01/35		13/2 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú	
		Nam	Nữ				Trợ cấp BHXH	Hỗ trợ Covid-19		
6655	37	Hồ Văn Tô	01/01/36		270068593	59/75/2A kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6656	38	Hoàng Thị Cừ		01/01/39	271117091	109/39/19 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6657	39	Hoàng Thị Mơn		01/01/33	271116378	27/14 Kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6658	40	Hoàng Văn Cẩn	01/01/34		270051612	134/18 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6659	41	Hoàng Văn Lợi	01/01/19		272119797	59/112/28 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6660	42	Huỳnh Thị Ba		01/01/33	270070794	62/19/32A CMT8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6661	43	Huỳnh Thị Cẩm		01/11/40	270070666	62/70A kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6662	44	Huỳnh Thị Don		01/01/40	271594254	17 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6663	45	Huỳnh Thị Hóa		01/01/36		59/70/25	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6664	46	Huỳnh Thị Lã		01/01/30	270070272	158/14	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6665	47	Huỳnh Văn Tư	01/01/27		271569651	134/2A CMT8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6666	48	Huỳnh Xuối		01/01/39	272119753	62/19/26 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6667	49	Kiều Thị Lý		01/01/32	270070376	158/48/11E Kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6668	50	Lâm Thị Lai		04/11/36	270079588	59/88 Phan Đình Phùng kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6669	51	Lê Kim Trọng	01/01/32		270008107	158/48/8 CMT8 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6670	52	Lê Thị Bé		01/01/34	270068443	59/70/7A Phan Đình Phùng KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6671	53	Lê Thị Bé		01/01/36	270061829	17/1A kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6672	54	Lê Thị Đề		01/01/32	270070478	62/34 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6673	55	Lê Thị Dung		06/12/34	270050542	59/55/34 Phan Đình Phùng	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6674	56	Lê Thị Hai		01/01/36	230070486	62/116, CMT8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6675	57	Lê Thị Hai		01/01/35	270371122	62/70 CMT8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6676	58	Lê Thị Huệ		10/05/38	270084083	223/4A kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6677	59	Lê Thị Lan		01/01/32	270079759	223/14/9 Tổ 4 Kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6678	60	Lê Thị Lan		01/01/39	270083171	tổ 3 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6679	61	Lê Thị Lành		03/18/40		62/90 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6680	62	Lê Thị Lùng		01/01/32	272003935	158/48/99 Kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6681	63	Lê Thị Mạo		01/01/36		223/65A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
6682	Lê Thị Ngân		01/12/37		77/4 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6683	Lê Thị Ngung	01/01/30		160101511	109/C3+4A kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6684	Lê Thị Nhung		11/08/37	270061842	158/48/28 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6685	Lê Thị Nôi		01/01/33	270083139	134/23A Kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6686	Lê Thị Thái		01/01/23	270068065	59/22 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6687	Lê Thị Thọ		01/01/35	270086966	158/48/14/29 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6688	Lê Thị Tuyết		05/03/39	270061671	12/3 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6689	Lê Thị Vãn		01/01/36	370079274	223/93/4, Phan Đình Phùng	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6690	Lê Thị Yến		03/02/40		25/5 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6691	Lê Văn An	06/13/39		270079483	59/112/16 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6692	Lê Văn Khánh	08/10/35			158/48/29	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6693	Lê Văn Khởi	01/01/34		270582063	16/3 CMT8 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6694	Lê Văn Xinh	02/04/35		270014736	158/48/28 CMT8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6695	Liêu Ngẫu		01/01/39	270694938	62/19/18/8 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6696	Lương Ngọc Dung	05/14/38		270061622	134 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6697	Lương Ngọc Huệ		01/01/29	270070059	27/9 tổ 2 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6698	Lương Thị Bạch Tuyết		05/23/37	271182833	15/5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6699	Lương Thị Bảy		01/01/39	270083105	62/25/36 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6700	Lương Thị Lớn		01/01/33	270079229	23/81/2 PDP	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6701	Lương Thị Một		01/01/27	270079428	223/29/16 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6702	Lương Viễn Hồng	03/01/35		270860449	82/9 CMT8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6703	Lưu Thị Ngợi		01/01/32	270079448	223/29/9 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6704	Lý Thị Nê		01/01/30	270070617	62/137/5B kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6705	Mai Thị Châu		01/01/31		28/4 KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6706	Mai Văn Cẩn	04/21/39		270061904	17/1C kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6707	Nghiêm Thu Nguyệt		10/10/39	270014352	109/30/1/2 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6708	Ngô Thị Huỳnh Anh		11/04/37		223/112 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6709	Ngô Thị Tư		01/01/38	272589230	D17H kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6710	Ngô Thị Vy		01/01/37	270029025	105 Phan Chu Trinh	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
6711	Ngô Thị Xong		01/01/30	272144972	41 Phan Đình Phùng kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6712	Nguyễn Hữu Mỹ	04/08/38			29/4E kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6713	Nguyễn Khắc Chấn	01/01/33		270068829	109/30/1/9 Kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6714	Nguyễn Kim Huệ		01/01/29	270072289	109/30/28 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6715	Nguyễn Ngọc Lan		05/05/39	270951859	62/69/29 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6716	Nguyễn Thị Ba		01/01/37	270070193	158/48/75 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6717	Nguyễn Thị Ba		01/01/35	271949020	128/23 CMT8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6718	Nguyễn Thị Bàn		05/19/37	270061811	20/1, KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6719	Nguyễn Thị Bé		01/01/32	271043894	229 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6720	Nguyễn Thị Bé		01/10/34	271043894	62/137/5 CMT8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6721	Nguyễn Thị Bé Nhỏ		11/01/38	270070549	62/119/11 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6722	Nguyễn Thị Bông		05/03/34	270079184	8/8 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6723	Nguyễn Thị Bức		01/01/25	270286674	59/112/5A KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6724	Nguyễn Thị Cảnh		01/10/36	270068983	109/30/19B, Phan Chu Trinh	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6725	Nguyễn Thị Cầu		01/01/30	270068187	79 Phan Đình Phùng kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6726	Nguyễn Thị Châu		01/01/37	270068883	62/4/58 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6727	Nguyễn Thị Chính		01/01/38	272428278	223/124 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6728	Nguyễn Thị Cúc		01/01/28	270077443	11/17 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6729	Nguyễn Thị Cúc		01/01/30		11/16 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6730	Nguyễn Thị Đào		05/25/28	272544585	17 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6731	Nguyễn Thị Đưa		01/01/33	271751770	36 Kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6732	Nguyễn Thị Hai		01/01/39	270167589	8/2D kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6733	Nguyễn Thị Hạnh		01/01/29	270068088	59/37 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6734	Nguyễn Thị Hiền		01/01/31	270061591	158/48/14/4 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6735	Nguyễn Thị Hiện		01/01/36	270068614	77/21/14, Phan Đình Phùng	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6736	Nguyễn Thị Hoa		01/01/38	270061701	14/13 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6737	Nguyễn Thị Hoa		01/01/37	271940928	C38 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6738	Nguyễn Thị Hới		10/10/38	270068701	109/30/5/6 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6739	Nguyễn Thị Huệ		02/16/39	270068155	77/8A kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
6740	Nguyễn Thị Kên		10/20/34	220068936	109/N7B kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6741	Nguyễn Thị Kim		01/01/34	020973824	134/1/4 KP3 CMT8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6742	Nguyễn Thị Lai		01/01/34		9/1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6743	Nguyễn Thị Lắm		01/01/38	270084117	158/48/14/22 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6744	Nguyễn Thị Lan		01/01/37		109/E4 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6745	Nguyễn Thị Lang		01/01/30	270079194	223/96 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6746	Nguyễn Thị Láng		01/01/40	270096920	B106 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6747	Nguyễn Thị Mạnh		01/01/38	270096756	105 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6748	Nguyễn Thị Miến		06/05/37		77/26 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6749	Nguyễn Thị Minh		01/01/33	270079973	183 Phan Đình Phùng	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6750	Nguyễn Thị Minh Ngà		12/11/39		59/112/27 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6751	Nguyễn Thị Minh Nguyệt		12/31/33	270007535	144/2 CMT8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6752	Nguyễn Thị Mùi		07/08/36	270008156	77/8A Phan Đình Phùng	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6753	Nguyễn Thị Nga		01/01/33	270068518	59/75/4 Kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6754	Nguyễn Thị Ngà		01/01/32	270072545	109/30/5/7 tổ 6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6755	Nguyễn Thị Nguyệt		01/01/32	270068807	109/28 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.000.000	Chết T5/2020
6756	Nguyễn Thị Nhân		11/10/36	270640263	4C kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6757	Nguyễn Thị Nhiễm		01/01/32	270079031	109/23 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6758	Nguyễn Thị Nhiễm		01/01/22		158/48/55 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6759	Nguyễn Thị Nhon		01/01/36	270070638	62/48, CMT8, kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6760	Nguyễn Thị Phận		01/01/33		59/70/15 Kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6761	Nguyễn Thị Rò		01/01/37	270068501	59/75/2A kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6762	Nguyễn Thị Sợi		08/15/35	271075381	109/26C KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6763	Nguyễn Thị Sơn		01/01/39	270069714	C22 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6764	Nguyễn Thị Sừ		01/01/37	270142240	D18 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6765	Nguyễn Thị Tám		04/20/33		31 chung cư A5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6766	Nguyễn Thị Tên		01/01/34	270068421	42 lô B Phan Chu Trình	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
6767	Nguyễn Thị Thanh		01/01/39	270083145	62/104 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6768	Nguyễn Thị Thi		06/03/35	270068163	59/47 tổ 5 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6769	Nguyễn Thị Tho		01/01/37	270079289	223/68/1 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6770	Nguyễn Thị Thu		01/01/35	270088556	59/55/46 Phan Đình Phùng	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6771	Nguyễn Thị Thu Vân		04/04/33	270061979	23/1Ab CMT8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6772	Nguyễn Thị Trên		01/01/39	270068871	C10+11 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6773	Nguyễn Thị Tường		01/01/35		kp11 A11	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6774	Nguyễn Thị Viễn		01/01/29	270061572	130 CMT8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6775	Nguyễn Thu Cúc		01/01/38	270061912	158/48/67/3 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6776	Nguyễn Thúc	12/20/36		270068101	59/42 Phan Đình Phùng	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6777	Nguyễn Trí Huệ		01/01/31	270063495	59/55/26 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6778	Nguyễn Văn Chính	01/01/29		270068186	59/53 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6779	Nguyễn Văn Đồi	01/01/31		270049407	223/29/4 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6780	Nguyễn Văn Hai	01/01/39		280110007	D/15F kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6781	Nguyễn Văn Liên	08/06/36		270079938	153 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6782	Nguyễn Văn Nhàn	07/15/34		270070995	62/4/40 CMT8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6783	Nguyễn Văn Trung	01/01/26		270061872	134/5 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6784	Nguyễn Văn Xanh	01/01/31		270019338	223 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6785	Phạm Đình Chiểu	01/01/23		270072246	109/30/1 K1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6786	Phạm Mạnh Hùng	08/02/25		272907037	223/73/3 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6787	Phạm Ngọc Huệ		01/01/31	270070693	82/24 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6788	Phạm Thị Anh		01/01/28	270034318	223/41 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6789	Phạm Thị Cải		01/01/37		D8/20 tổ 3 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6790	Phạm Thị Giáng		01/01/33	270858674	59/78 PDP	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6791	Phạm Thị Hai		09/09/35	270084564	28/4E kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	500.000	Chết T4/2020
6792	Phạm Thị Hồng		01/01/38	270891851	62/69/33 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6793	Phạm Thị Kim Quang		02/06/35	270061943	25/2B kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6794	Phạm Thị Na		01/01/37	270068817	109/30/1/9 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6795	Phạm Thị Nhom		01/01/38	270361273	70/1 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6796	Phạm Thị Nô		01/01/40	272065781	D14 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	500.000	Chết T4/2020
6797	Phạm Thị Tư		01/01/31		158/48/115 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
6798	Phạm Văn Giáo	01/01/38		270068394	59/61 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6799	Phạm Văn Sừ	01/01/29		270070351	158/38 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6800	Phạm Văn Tật	01/01/30		270079852	211 Phan Đình Phùng kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6801	Phạm Văn Tích	01/01/32		270068519	59/55/10/8 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6802	Phan Thị Anh		10/29/38	270013558	60/8 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6803	Phan Thị Gắng		06/20/37	270070494	62/113, CM8, tổ 1, KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6804	Phan Thị Lùng		01/01/29	270070670	62/37 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6805	Phan Thị Lý		01/01/40	270070354	158/40 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6806	Phan Văn Ngọc	03/29/37		270061873	158/48/67/3 CMT8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6807	Tạ Thị Hậu		01/01/37	270079458	223/116 tổ 1 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6808	Tạ Văn Sừ	01/01/25		270079473	59/112/1 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6809	Tăng Huê		03/05/40		82/3 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6810	Thái Thị Em		01/01/28	020409394	28B tổ 2 KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6811	Thái Thị Phôi		01/01/35	270561281	59/53 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6812	Thái Thị Thanh Loan		01/01/38	270061562	134/1/2 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6813	Thái Văn Thanh	11/04/38		270068093	59/51 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6814	Tô Thị Hai		01/01/31	270079507	Tổ 12 Kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6815	Tổ Thị Hoài		01/01/37	270068161	59/35 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6816	Tổng Thị Giám		01/01/32	270070203	158/48/67/2 CMT8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6817	Tổng Thị Rừng		01/01/39	271116192	158/28A kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6818	Trần Ngọc Y		01/01/34	270079311	223/73/2 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6819	Trần Thanh Phong	03/15/39		270949024	77/2 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6820	Trần Thật	01/01/29		270068538	77/21/20 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6821	Trần Thị A		01/01/36	270079791	223/23/4, Phan Đình Phùng	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6822	Trần Thị Ba		01/01/32	300047069	62/25/8 CMT8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6823	Trần Thị Bé		01/01/22		62/101 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6824	Trần Thị Bích		01/01/34	270083098	62/39 CMT8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6825	Trần Thị Đây		01/01/36	270125102	18/14H, kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BHXH	Hỗ trợ Covid-19	
6826	Trần Thị Diệu		12/31/39	270079927	179A kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6827	Trần Thị Hoa		01/01/32	270068624	59/55/32A KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6828	Trần Thị Hồng		01/01/33		176/4 Kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6829	Trần Thị Huệ		01/01/37		158/48/68 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6830	Trần Thị Kim Lang		08/04/36	270891770	109/22 Phan Chu Trinh	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6831	Trần Thị Lộc		01/01/33	270088034	57 Kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6832	Trần Thị Lụa		01/01/38	272337887	28/8 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6833	Trần Thị Mạnh		01/01/32		77/21/20 Phan Đình Phùng	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6834	Trần Thị Năm		01/01/33	270084583	158/10/3C Kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.000.000	Chết T5/2020
6835	Trần Thị Ngai		01/01/34	270094565	C30 Phan Chu Trinh	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6836	Trần Thị Nhân		11/16/37	270079214	223/53 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6837	Trần Thị Sâm		01/01/26		42/2 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6838	Trần Thị Sư		01/01/34	270083102	62/19/34 CMT8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6839	Trần Thị Tuyết		01/01/31	270079125	109/6/1 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6840	Trần Thị Tỷ		06/10/35	270061880	20/2 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6841	Trần Thị Út		01/01/40	270061766	18/13 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6842	Trần Thị Vân		08/20/39	270068616	59/55/32B kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6843	Trần Thị Xiêm		01/01/33	270084022	125 Kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6844	Trần Tố Nga		01/01/30	270079879	205 Phan Đình Phùng Kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6845	Trang Thị Thưng		01/01/36		158/20, CMT8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6846	Triệu Xương	01/01/33		270039009	62/25/24 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6847	Trịnh Thị Chính		01/01/37	270070753	62/25/5 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6848	Trịnh Thị Luận		01/01/30	270079749	233/14/10 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6849	Trương Thị Bì		01/01/38	272993416	62/69/33 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6850	Trương Thị Đò		01/01/36	270068147	77/5, Phan Đình Phùng	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6851	Trương Thị Tông		01/01/38	270070040	22/8 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6852	Từ Đa	01/01/33		270070142	24/6 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6853	Từ Tiểu Hoa		01/01/38	270070860	62/19/30 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
6854	Võ Thái	02/02/38		270079792	223/23/4 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6855	Võ Thị Thưa		01/01/29	210625416	25/8 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6856	Vũ Thị Lựu		01/01/31	270077578	109/30/30 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6857	Vũ Thị Vượng		01/01/30		23/6 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6858	Dương Ngọc Toàn	09/03/55		270214139	22/49/5/1 Phan Đình Phùng	Người đơn thân nghèo đang nuôi từ 02 con trở lên	600.000	1.500.000	
6859	Nguyễn Thị Tám		01/01/69	271557579	223/25 kp2	Người đơn thân nghèo đang nuôi từ 02 con trở lên	600.000	1.500.000	
6860	Bùi Đỗ Phúc	08/23/00			223/41A KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6861	Bùi Mỹ Châu		02/09/69	270860536	62/24/4 kp1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6862	Bùi Ngọc Hoàng Phúc	01/01/81			7/1B KP4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6863	Bùi Ngọc Mỹ Hạnh		01/01/79		711B KP4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6864	Bùi Thanh Phước	01/01/02			223/29/9 KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6865	Bùi Văn Tuấn	01/01/65		270641092	59/75/4 kp1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6866	Ca Bá Thiên	11/17/02			A1/8 Phan Đình Phùng	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6867	Đặng Kim Loan		01/01/70	270860427	62/19/8 KP3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6868	Đỗ Thị Ngọc Tuyết		01/01/92		26/4 KP3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6869	Đỗ Thị Như Ý		01/01/94		239/14 KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6870	Đoàn Thị Thanh Nga		12/01/64	270072342	87D Phan Chu Trinh	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6871	Dương Thị Hoa		03/21/66		62/19/18 kp3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6872	Dương Thị Hương		06/12/62		62/69/29 kp3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6873	Hồ Phong Vũ	07/28/77		271320628	109/E1 kp1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6874	Hồ Xuân Trường	09/26/84			42 kp1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6875	Hoàng Trịnh Anh Dũng	01/01/02			Tổ 2A KP4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6876	Hồng Thắng Lợi	01/01/91			103 Phan Chu Trinh Kp1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6877	Huỳnh Xuân Yển		01/01/71		59/70/25 Kp2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6878	Lê Phát Tân	12/18/81			8/21B K4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6879	Lưu Văn Thành	01/01/76		271389054	62/72, KP1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6880	Mạch Phương Yển		01/01/02		134/2B	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/hộ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
6881	263 Nguyễn Bá Trọng Nhân	01/01/73			158/48/16 KP3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6882	264 Nguyễn Đức Vinh	05/09/98			89 kp1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6883	265 Nguyễn Hiếu Đạo	01/01/76			62/4/58A tổ 4 KP1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6884	266 Nguyễn Hùng Sơn	01/01/72		271116124	128/18	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6885	267 Nguyễn Ngọc Hạnh	01/01/89		271881049	128/22 kp3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6886	268 Nguyễn Phạm Thanh Thủy		01/01/84		A54 KP4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6887	269 Nguyễn Quốc Chi	01/01/00			109/30/1/7 KP1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6888	270 Nguyễn Quốc Dũng	01/01/64		270068577	59/55/6	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6889	271 Nguyễn Quốc Việt	01/01/65		270640948	59/55/6 Phan Đình Phùng	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6890	272 Nguyễn Thanh Sơn	01/01/83			27/10 KP3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6891	273 Nguyễn Thị Hoài Trâm		01/01/93		59/87 KP1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6892	274 Nguyễn Thị Hồng Tâm		01/01/92	272299583	59/46 KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6893	275 Nguyễn Thị Thủy Dương		06/10/91		158/48/14/31 KP3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6894	276 Nguyễn Thị Xuân Thanh		05/26/71	272189206	62/43 KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6895	277 Nguyễn Thy Vũ	01/01/76			93 Phan Đình Phùng	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6896	278 Phạm Thị Tuyết Mai		01/01/61		239/11 KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6897	279 Tạ Tấn Lợi	01/01/98			223/68/4 KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6898	280 Tô Thị Xuân Mai		01/01/85		59/93 Phan Đình Phùng	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6899	281 Trần Quốc Cường	07/23/96			62/103 CMT8	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6900	282 Trần Thanh Tuấn	01/01/67		270949038	77/2 Phan Đình Phùng	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6901	283 Trần Thị Ngọc Thủy		08/07/78	271490757	77/35A kp2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6902	284 Trần Thị Thanh Tuyền		08/18/67		62/103 CMT8	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6903	285 Trần Tuấn Long	02/05/77			chung cư A4 kp4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
6904	Trần Văn Đông	07/29/64		270061664	17/2D kp3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6905	Trần Văn Hiệp	01/01/78		271434425	109/6A KP1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6906	Văn Công Lắm	08/25/62		270098801	105/7A	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6907	Võ Phi Hồng		10/06/75	300112316	F219 kp7	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6908	Yên Lập Phước	01/31/66			62/19/26/5 CMT8 KP3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6909	Hà Thị Hiền		01/01/32		109/20 Phan Chu Trình	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6910	Lê Thị Hồng		01/01/57		62/70 CMT8	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6911	Lê Thị Phan	01/01/21		270017270	A2 KP1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6912	Nguyễn Kim Hoa		07/10/54	270045298	77/51/1 kp2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6913	Nguyễn Phú Hữu	07/02/59		270040073	03 kp1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6914	Nguyễn Thị Hội		08/09/52	970670932	62/4/2 CMT8	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6915	Nguyễn Thị Năm		02/26/44	271474822	158/48/51 kp3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6916	Nguyễn Thị Thích		10/07/35	020612691	19D, tổ 3, KP4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6917	Phạm Văn Lộc	01/08/56		271116146	158/48/59 CMT8	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6918	Trần Thị Hoàng Mai		01/01/60		134/20C KP3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6919	Trần Thị Ngọc Anh		01/01/33	270057777	97 Kp1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6920	Trần Thị Phấn		01/01/29	272330297	18/15 KP3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6921	Trần Văn Xuân	12/20/57		270839870	223/129A kp2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6922	Võ Ngọc Quyên	12/06/46		570068199	77/22 Phan Đình Phùng	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6923	Võ Thị Hạnh		07/16/49		9/9D kp4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6924	Võ Văn Đức	08/25/41		270374522	223/26/4/1 kp2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
6925	Đỗ Anh Duy	05/16/06			62/14/5 CMT8	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6926	Dương Thành Duy	01/16/06			62/29/33 kp3	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6927	Dương Tôn Hoàng Gia Hân		04/30/11		223/93 kp2	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6928	Huỳnh Quốc Công	01/01/06			22/7 CMT8	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6929	Lê Phan Bảo Thy		11/04/12		8/2 tổ 1 K4	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6930	Lưu Thành Đạt	07/31/09			134/14A K3	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6931	Nguyễn Đức Nhật Thành	09/07/08			chung cư B1	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BHXH	Hỗ trợ Covid-19	
6932	Nguyễn Khang Thành	09/08/12			33 Phan Đình Phùng	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6933	Nguyễn Kiều Trang		09/14/11		tổ 3 kp4	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
6934	Bùi Thị Trùng		01/01/62	270070418	62/119/15A KP3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6935	Đào Thái Dương	04/03/73			23/1B kp3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6936	Đinh Anh Thái	01/01/80		291347123	223/93/8 kp2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6937	Đỗ Thanh Bảo Trân		11/11/03		59/112 KP2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6938	Đổng Sĩ Châu Giàu	02/18/98		272610197	109/55	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6939	Dương Minh Hải	04/14/64		270907666	134/9/10 kp3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6940	Dương Văn Tuấn	01/01/66		270772342	Phan Đình Phùng	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6941	Hà Lập Khai	08/20/60		271408565	F4 kp1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6942	Huỳnh Văn Nhì	12/10/73		271145243	472A kp3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6943	Khúc Thị Hương Giang		01/01/71		F2 PCT	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6944	Lâm Hồng Đức	06/17/64		270061717	11/10C CMT8 kp3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6945	Lâm Hùng	10/13/70			223/26/4/7 kp2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6946	Lâm Hùng Sơn	01/01/67		270772260	14/13 KP3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6947	Lê Quý Hương	03/04/68		271247467	62/69/11 CMT8	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6948	Lê Thị Hải Trang		07/28/84	271919428	134/7 CMT8	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6949	Lê Thị Xuân Kinh		01/01/61	270326226	158/28A CMT8	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6950	Lê Văn Nhơn	11/01/72			25/5 tổ 12 kp3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6951	Lê Văn Út	01/01/78		271491459	158/28A CMT8	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6952	Lý Đức Toàn	01/01/87		271826037	3/7 CMT8	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6953	Lý Minh Hùng	10/17/60		270694662	62/67 CMT8	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6954	Nguyễn Duy Tuấn	03/05/91			109/B7+8 kp1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6955	Nguyễn Hoàng Lâm	01/01/02			26/7 CMT8	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6956	Nguyễn Hoàng Nghĩa	11/05/92		272388373	28/15 KP4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6957	Nguyễn Hoàng Việt	04/01/65		270661228	62/110 kp1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6958	Nguyễn Ngọc Tình	06/26/73		271530617	77/21/9 kp2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6959	Nguyễn Như Tuyền		01/01/85		62/70 KP1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6960	Nguyễn Phan Tuyết Nhưng		01/01/61	272735467	91C KP2	NKT nặng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
6961	Nguyễn Tấn Khương	01/01/73			144/1 CMT8	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6962	Nguyễn Thanh Nam	01/01/67		272726554	158/48/76 KP3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6963	Nguyễn Thành Nự	01/01/73			59/14 KP2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6964	Nguyễn Thanh Quý	05/09/72		270951838	59/68 kp2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6965	Nguyễn Thị Diễm Trang		01/01/79	272535838	59/22 KP1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6966	Nguyễn Thị Huyền		08/04/75		109/23 KP1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6967	Nguyễn Thị Kim Phụng		01/01/62	270079760	223/14/9 Phan Đình Phùng	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6968	Nguyễn Thị Phương		07/28/62	272203961	62/43B kp3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6969	Nguyễn Thị Thanh Minh		04/17/70	270860320	59/58, Phan Đình Phùng, kp2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6970	Nguyễn Thị Thanh Ngân		01/01/00		28/1 KP4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6971	Nguyễn Thị Xuân Nương		02/25/73	271117086	506 A5 kp4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6972	Nguyễn Trung Kiên	01/01/76			158/48/53 CMT8	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6973	Nguyễn Văn Hiền	01/01/67		270694899	134/5 KP3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6974	Nguyễn Văn Hùng	01/01/74		271347253	223/93/3 Phan Đình Phùng	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6975	Nguyễn Văn Sang	01/01/73		271362698	D12 KP4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6976	Phạm Thanh Thảo		01/01/91	272036427	211 KP2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6977	Phạm Thị Thúy Dung		01/01/80		223/95 Phan Đình Phùng	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6978	Phạm Thu Cúc		01/01/65	270709056	74B CMT8	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6979	Phan Hùng Cường	08/10/87		271802871	173 kp2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6980	Phan Minh Trung	01/01/68		270711761	B38 KP1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6981	Phan Thanh Thảo		09/06/82	271434416	203A kp2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6982	Phan Thị Phương		01/01/65	270694439	C10+11 kp1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6983	Thái Mai Hoàng Trang		01/01/93		158/48/101 KP3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6984	Thiều Minh Châu	06/23/81		271389073	314/75 kp3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6985	Trần Đình Minh Hiếu	12/03/98			223/95 Phan Đình Phùng	NKT nặng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BHXH	Hỗ trợ Covid-19	
6986	Trần Hoàng Trang		01/20/91	252337968	223/73/3P	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6987	Trần Lâm Nhất Thiện	04/22/82		271434493	11/6 CMT8	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6988	Trần Quốc Đại	05/19/81		271760451	158/48/94 kp3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6989	Trần Thanh Loan		08/13/71	270951668	15/6B kp1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6990	Trần Thanh Phương		01/01/74	271320959	15/6B KP1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6991	Trần Thị Thủy Trang		06/03/97	272885326	223/93/12 KP2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6992	Trần Thị Vân Khanh		01/01/81	271247326	59/22 KP1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6993	Trần Văn Sơn	11/15/64		270079633	24 kp2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6994	Võ Thị Thùy Mai		01/01/86	272330542	33 lô B KP1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
6995	Bùi Văn Trường	01/01/55		270070528	62/11/15B Kp3	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
6996	Đặng Minh Hoàng	01/01/56			62/69/9 KP3	NKT nặng là NCT	600.000	500.000	Chết T4/2020
6997	Huỳnh Muôn	10/22/43		271385147	91A kp2	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
6998	Huỳnh Sanh	01/01/58			91A Phan Đình Phùng	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
6999	Huỳnh Thị Tư		11/02/51		209 Phan Đình Phùng	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
7000	Lâm Chí Thắng	01/24/48		270039350	62/52 kp1	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
7001	Lâm Quang	03/28/55		270022867	14/13 KP3	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
7002	Lê Thanh Lâm	03/31/56		270378113	62/15 kp3	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
7003	Lê Thị Lùng		01/01/42		22/3 KP3	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
7004	Lê Thị Nguyệt		09/15/52		281A Nguyễn Ái Quốc	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
7005	Lê Thị Thanh Vân		01/01/55	270010447	115 KP1	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
7006	Lê Thị Tuyết		01/01/50		62/33 CMT8	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
7007	Nguyễn Ngọc Anh		01/01/58	270019008	109/30/19B Phan Chu Trinh	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
7008	Nguyễn Tấn Phát	01/01/56		272838365	59/94 KP2	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
7009	Nguyễn Thị Cai		06/05/55	270079333	223/41C kp2	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
7010	Nguyễn Thị Hồng		09/03/55	270079052	25 KP1	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
7011	Nguyễn Thị Lan		09/18/41	272439981	15/6 CMT8	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
7012	Nguyễn Thị Sâm		01/01/36	270079864	135A, Phan Đình Phùng	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
7013	Nguyễn Thị Tiệp		01/01/51	270949022	59/22 KP1	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
7014	396 Nguyễn Thị Tuyết Mai		01/01/54		8/27 KP4	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
7015	397 Nguyễn Văn Minh	12/21/54		270772263	215 Phan Đình Phùng kp2	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
7016	398 Nguyễn Văn Phi	01/01/45		270980078	9/8C KP4	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
7017	399 Phạm Văn Ngọc	05/20/45		270892703	128/15 kp3	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
7018	400 Phan Tuyết Ngọc		08/06/54	270079401	223/104 KP2	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
7019	401 Tạm Thị Tâm		01/01/34	161073910	158/48/71 kp3	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
7020	402 Trần Hữu Phước	11/07/52			223/73/2 kp2	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
7021	403 Trần Thị Dung		12/02/54	270005964	109/39/3 kp1	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
7022	404 Trần Thị Lan		01/01/60		223/8 Phan Đình Phùng	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
7023	405 Trần Thị Ngọc Vân		06/10/42	270070657	62/37/3 CMT8	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
7024	406 Trần Văn Xanh	01/01/50		270019127	223/45/4 Phan Đình Phùng	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
7025	407 Trịnh Thị Lan		01/01/50		62/61, kp3, CMT8	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
7026	408 Trương Thị Lang		09/27/28	270070362	144/10D kp3	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
7027	409 Võ Văn Vạn	10/24/53		270084050	59/88 kp2	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
7028	410 Đặng An Đông	06/29/08			tổ 13 kp2	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
7029	411 Đào Xuân Hồng	04/23/11			D19E kp4	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
7030	412 Huỳnh Anh Nhật	09/23/09			59/14/3 kp2	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
7031	413 Huỳnh Đăng Khôi	03/16/10			314/65/18 kp3	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
7032	414 Huỳnh Nhật Minh	01/01/04			B7 vận tải hàng hóa	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
7033	415 Lê Huỳnh Như Ý		12/16/12		134/31 tổ 8 kp3	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
7034	416 Nguyễn Đỗ Vy Oanh		06/15/15		815-A2 kp3	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
7035	417 Nguyễn Hồ Bảo Thiện	11/07/08			158/48/46 CMT8	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
7036	418 Nguyễn Huỳnh Anh Tú	05/06/11			158/48/14/15A kp3	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
7037	419 Nguyễn Thành Luân	01/01/07			27 kp4	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
7038	420 Nguyễn Thành Tài	12/05/07			158/48/46 CMT8	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
7039	421 Nguyễn Thị Thảo Nguyên		01/01/08		158/20 KP3	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BHYT	Hỗ trợ Covid-19	
7040	422 Nguyễn Tuấn Anh	04/23/11			62/119/11 kp3	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
7041	423 Phạm Ngọc Khánh An		01/30/09		61 KP2	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
7042	424 Phạm Thanh Bảo Ngọc		05/16/06		18 kp4	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
7043	425 Trần Hữu Lợi	04/25/09			59/14/12 kp2	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
7044	426 Trần Phúc An		04/13/10		C10 kp1	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
7045	427 Huỳnh Thị Phương Anh		01/01/99		62 KP4	Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
7046	428 Bùi Quang Lộc	02/18/05			77/10/1 kp2	Trẻ em từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	

XV. PHÒNG QUYẾT THẮNG

7047	1	Bùi Kim Chi	01/01/33	272036153	29 Kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7048	2	Bùi Thị Lành	10/20/39	161034564	E11 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7049	3	Bùi Thị Năm	01/01/33	272946728	30/5/2 Kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7050	4	Bùi Thị Quới	01/01/34	270018919	30/5/2 CMT8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7051	5	Cao Thị Núi	06/08/31	020719092	21/9 Kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7052	6	Châu Thị Dung	10/03/39	270018988	43 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7053	7	Châu Thị Phần	01/01/32	270029237	12/2/9 tổ 9 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7054	8	Đặng Hồng Vân	07/07/37	270008165	12/7/14, KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7055	9	Đặng Kim Xuyên	04/12/33	270008149	71/4 tổ 16 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7056	10	Đặng Thị Chính	01/01/32	270017835	68/1/5 Kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7057	11	Đặng Thị Lự	01/01/33	270986547	103/5 Kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7058	12	Đào Thị Thu Lan	01/01/37	270029007	90/5/9 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7059	13	Đào Thị Tốt	01/01/36	270018951	38, CMT8, kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7060	14	Đinh Thị Đáng	01/01/36	270019498	160/42/1A, CMT8, kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7061	15	Đinh Thị Ha	01/01/35	270018052	46C CMT8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7062	16	Đinh Thị Hoa	01/01/29		90/5/6 tổ 15 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7063	17	Đinh Thị Oánh	10/30/39	270010955	82/18 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7064	18	Đinh Thị Tốt	01/01/34	270423300	74A/10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7065	19	Đinh Văn Chối	02/15/40		18/2/1/1 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7066	20	Đỗ Lụa	11/11/35	270005915	71/16	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7067	21	Đỗ Thị Bé	01/01/40	270005986	89 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
7068	Đỗ Thị Bơ		01/01/33		120/3/6 Kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7069	Đỗ Thị Quế		08/17/35	270005988	99 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7070	Đỗ Thị Thơm		01/01/38	220071718	160/22/5/7 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7071	Đỗ Thị Tựa		02/02/38	270031160	18/21/14 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7072	Đoàn Hồng Phúc		11/03/36	270033436	98/16/7 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7073	Đoàn Kim Thảo		01/01/27		1/1/4 tổ 6 Võ Thị Sáu	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7074	Đoàn Thị Sáu		01/01/35	270005940	91 Hưng Đạo Vương	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7075	Dương Thị Lộc		01/01/29	270017936	52 KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7076	Dương Thị Tư		01/01/37	270031128	128 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7077	Dương Thị Tý	01/01/32		270017933	36/6/5 Kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7078	Hà Thị Châu		01/01/39	270017968	64A kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7079	Hồ Hùng Hiếu	01/01/30		271349819	14/10C KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7080	Hồ Thị Thanh Hà		03/14/40		96 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7081	Hồ Thị To		01/01/34	270018389	1/10/6 QL1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7082	Hồ Văn Tâm	03/16/38		270033168	104A kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7083	Hoàng Thị Như Ý		03/23/33	270005302	101 Hưng Đạo Vương	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7084	Hoàng Thị Thu		01/01/32	270018612	12B CMT8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7085	Hồng Văn Bình	01/17/34		270018780	69 CMT8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7086	Huỳnh Anh	01/01/34		270001378	96 CMT8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7087	Huỳnh Keo	06/08/34		270060444	12/14 Võ Thị Sáu	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7088	Huỳnh Kim Anh		02/04/38	270019056	168 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7089	Huỳnh Ngọc Chấn	01/01/37		270005848	A1 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7090	Huỳnh Thị Bạch Tuyết		01/01/37	270033016	103/7 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7091	Huỳnh Thị Cang		01/01/35	270031131	18/21/31 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7092	Huỳnh Thị Nết		01/01/30	270014234	108/2/4 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7093	Huỳnh Thị Ngà		01/01/35	270126262	73D QL1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7094	Huỳnh Thị Nhon		01/01/40	270019907	108/14 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7095	Huỳnh Thị Sanh		01/01/32	270523349	19A kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7096	Huỳnh Thị Tư		01/01/26	270032082	68/8 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
7097	Huỳnh Thị Viên		01/01/28		168 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7098	Huỳnh Văn Chánh	12/11/34		2700321114	74/22/2 CMT8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7099	Huỳnh Văn Đức	01/01/37		270062312	21 CMT8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7100	Lâm Thị Hạnh		02/14/40		24/23 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7101	Lâm Xuân Dương	11/22/36		270507752	127/14 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7102	Lê Bạch Yến		07/14/34	270033543	90/3/1 CMT8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7103	Lê Cương Tường	09/23/36		270029332	21/9A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7104	Lê Đàm	01/01/38		270018438	24/6 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7105	Lê kim Hồng		01/01/37	270018316	24/1G kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7106	Lê Ngọc Đông	01/01/31		270033315	100/28 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7107	Lê Thành Phụng	01/01/40			71/21 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7108	Lê Thị Bé		01/01/27	270018564	1/2 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7109	Lê Thị Bướm		01/01/40	270072197	124/12/10 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7110	Lê Thị Chin		01/01/36	270033489	90/8, CMT8, kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7111	Lê Thị Công		07/10/36	270557627	20/7 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7112	Lê Thị Cúc		01/01/32	272300905	160/3/13 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7113	Lê Thị Dung		01/01/25	270018321	195B KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7114	Lê Thị Hai		01/01/29		18/21/12 KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7115	Lê Thị Hồng		01/01/37	270031052	92/2 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7116	Lê Thị Lâm		01/01/28		13/1 Hà Huy Giáp	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7117	Lê Thị Lang		01/01/36	270018926	30/1 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7118	Lê Thị Lành		01/01/23	270029243	195/15 CMT8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7119	Lê Thị Lệ Thu		01/01/40	270031479	18/21/25 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7120	Lê Thị Mân		01/01/31		195/14 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7121	Lê Thị Mộng Tiên		01/01/34	270029314	32/3 KP3 đường Võ Thị Sáu	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7122	Lê Thị Mư		01/01/34	270022881	107/20C	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7123	Lê Thị Sánh		01/01/23	270141953	31 Quốc lộ 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7124	Lê Thị Sáu		07/23/39	270008169	160/5 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7125	Lê Thị Tốt		01/01/39	270031513	18/28/8 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7126	Lê Thị Trị		01/01/40	270161441	59/5A kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
7127	Lê Văn Bình	01/01/27		270029138	195/14 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7128	Lê Văn Hưng	01/01/32		270029157	195B CMT8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7129	Lê Văn Nghĩa	01/01/33		270029297	32/3 Kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7130	Lê Văn Sấn	01/01/29		270018433	16/2B KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7131	Lê Xuân Toàn	01/01/38		270018197	46/24/2 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7132	Lợi Thị Hai		01/01/29	270033074	103 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7133	Lợi Thị Xiêng		01/01/26	270031628	78 KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7134	Lương Khai	04/17/38		272589352	103/5A1 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7135	Lưu Nguyệt Cảnh		09/25/33	020052901	71/5 K2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7136	Lưu Thị Liên		01/01/33	272439787	30/3/1 Kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7137	Lưu Thị Tề		01/01/36	270028357	24/17, kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7138	Lý Hưng	01/01/30		270859505	160/81, KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7139	Lý Thị Cúc		11/22/31		8A KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7140	Mai Thị Khỏe		01/01/37		103/22/9 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7141	Mai Thị Mâm		01/01/14	270017422	62/11/17, KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7142	Mai Văn Sĩ	01/01/40		270695692	108/22/4 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7143	Mai Văn Tuấn	01/01/27		270019779	82 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7144	Ngô Sơn Bạc	04/25/37		270018770	99 CMT8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7145	Ngô Thị Hồng		01/01/40	270930800	24/51A kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7146	Ngô Thị Vân		01/01/20	270057871	95/16A KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7147	Ngô Văn Đồng	11/01/32		271712475	114 đường 30/4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7148	Ngô Văn Lợi	01/01/27		270046096	18/3/5 KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7149	Nguyễn Bảo Long	06/15/39		270710857	193 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7150	Nguyễn Đình Dịch	01/01/27		270029648	46/4 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7151	Nguyễn Duy Hiền	02/02/36			98/16/14, QL1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	500.000	Cinet 20/04/2020
7152	Nguyễn Hiếu Quan	08/18/37		270057031	100/37A kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7153	Nguyễn Lễ Nghi	10/06/33		270017293	103/12/2 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7154	Nguyễn Minh Sơn	11/20/34		270008113	73A CMT8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7155	Nguyễn Ngọc Mai	08/12/39		270019969	100/16 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7156	Nguyễn Phú Ty	05/03/34			127/24 KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7157	Nguyễn Tâm	01/01/39		270374015	92C/4 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7158	Nguyễn Tấn Luông	01/01/32		60/5 E kp2		NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7159	Nguyễn Thị Ánh Tuyết		01/01/28	270019054	166 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
7160	114 Nguyễn Thị Bảy		01/01/36	270018479	1/10/30, CM8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7161	115 Nguyễn Thị Bé		01/01/31	270061017	1/22 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7162	116 Nguyễn Thị Bé		01/01/39	270017441	107/28 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7163	117 Nguyễn Thị Bên		01/01/33	270031034	62/6 Kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7164	118 Nguyễn Thị Bông		01/01/36	270090211	98/8B	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7165	119 Nguyễn Thị Bông		12/31/35			NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7166	120 Nguyễn Thị Cản		12/27/37		Tập thể tu viện thánh Phaolô	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7167	121 Nguyễn Thị Châm		01/01/32	270017463	62/11/14A Kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7168	122 Nguyễn Thị Cự		01/01/32	270017591	62/11/5 Kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7169	123 Nguyễn Thị Cúc		01/01/39	270223849	62/35C Kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7170	124 Nguyễn Thị Dâm		01/01/39	270018050	62 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7171	125 Nguyễn Thị Dẻo		01/01/40	270010957	82/16 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7172	126 Nguyễn Thị Diễm		01/01/39	272971861	36/29 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7173	127 Nguyễn Thị Đình		01/01/32		Kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7174	128 Nguyễn Thị Do		01/01/30	270033512	90/3/11 Kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7175	129 Nguyễn Thị Đồng		08/08/37	270008150	160/63/1 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7176	130 Nguyễn Thị Hai		01/01/38	270033486	98A kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7177	131 Nguyễn Thị Hào		01/01/34	270078784	24/5 QL1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7178	132 Nguyễn Thị Hoa		01/01/28	272032090	74/6/4 Kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7179	133 Nguyễn Thị Hoi		01/01/38		1/10/60 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7180	134 Nguyễn Thị Hòn		11/01/36	270032198	1/10/54 CMT8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7181	135 Nguyễn Thị Hồng Nhỏ		01/01/27		161D Kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7182	136 Nguyễn Thị Huệ		01/01/38	270000949	145 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7183	137 Nguyễn Thị Huệ		01/01/35	270019052	160/13/2 CMT8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7184	138 Nguyễn Thị Khoa		04/26/39	270031031	17/10 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7185	139 Nguyễn Thị Kim Oanh		12/01/37		92/2 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7186	140 Nguyễn Thị Kim Sa		12/13/35	270018029		NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7187	141 Nguyễn Thị Kỳ		07/19/39	270018871	30/4/2 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7188	142 Nguyễn Thị Lan		01/01/35	270018760	69A CMT8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7189	143 Nguyễn Thị Lang		01/01/37	270641788	35 B2 QL1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7190	144 Nguyễn Thị Liên		10/25/38	270695758	160/107/7 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
7191	Nguyễn Thị Loan		01/01/30	270031381	14 đường 30/4 KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7192	Nguyễn Thị Lùng		01/01/40		24/13 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7193	Nguyễn Thị Luyên		01/01/39	272973084	P34 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7194	Nguyễn Thị Mai		01/01/36	271860878	77, QL1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7195	Nguyễn Thị Ngộ		01/01/38	270032255	79 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7196	Nguyễn Thị Ngọc Lan		06/12/33	270029243	20 Võ Thị Sáu	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7197	Nguyễn Thị Ngời		01/01/35	270019825	21/5 BDP III	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7198	Nguyễn Thị Nhân		01/01/28		124/2/7 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7199	Nguyễn Thị Nhỏ		08/20/33		127/24 Kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7200	Nguyễn Thị Nhỡ	01/01/30			62/24 KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7201	Nguyễn Thị Nhỡ		09/19/30	272766790	B1 cư xã Tinh ủy	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7202	Nguyễn Thị Nữ		01/01/37	270029174	167 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7203	Nguyễn Thị Phương		01/01/40	270019561	1/1/11 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7204	Nguyễn Thị Quế		01/01/31	270014287	88 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7205	Nguyễn Thị Quý		01/01/22		122 CMT8 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7206	Nguyễn Thị Tại		01/01/26	270693231	160/54/1 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7207	Nguyễn Thị Tê		01/01/34	270018021	D7 cư xã Bạch Đằng	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7208	Nguyễn Thị Thà		01/01/36	272156954	46/7A, Hà Huy Giáp, QL1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7209	Nguyễn Thị Thái		01/01/33		98/34/2 Kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7210	Nguyễn Thị Thân		01/01/31	270145011	105 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7211	Nguyễn Thị Thi		11/23/36	270014282	127/10 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7212	Nguyễn Thị Thiên	09/20/36		272330970	18/21/10/20 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7213	Nguyễn Thị Tinh		01/01/34	270346810	82/2 QL1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7214	Nguyễn Thị Tố Lang		11/11/34	270031219	36/23/28 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7215	Nguyễn Thị Trạnh		01/01/35	270033165	55/3 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7216	Nguyễn Thị Tư		01/01/26	270018927	12/1 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7217	Nguyễn Thị Vàng	01/01/31		270019062	168 CMT8 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7218	Nguyễn Thị Xây		01/01/27	270019939	160/22/17 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7219	Nguyễn Văn Bê	01/01/39		270031585	18/21/10/16 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BHXH	Hỗ trợ Covid-19	
7220	Nguyễn Văn Bùa	01/01/27		270033017	91 HDV	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7221	Nguyễn Văn Chát	01/01/29		270928280	12B KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7222	Nguyễn Văn Cúc	05/14/39		272433263	160/22/5/7 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7223	Nguyễn Văn Đề	01/01/30		270226900	161 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7224	Nguyễn Văn Đức	01/01/35		270290361	24/13 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7225	Nguyễn Văn Hiệp	01/01/28		270017997	131 KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7226	Nguyễn Văn Hiếu	01/01/26		270033180	104B KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7227	Nguyễn Văn Hòa	01/01/24		270018725	62/29/11 đường 30/4 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7228	Nguyễn Văn Hòa	01/01/38		271870816	77 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7229	Nguyễn Văn Hồng	01/01/40		270419623	62/3A kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7230	Nguyễn Văn Kèo	01/01/35		270019191	160/22/43 CMT8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7231	Nguyễn Văn Mèo	01/01/30			100/2/3 CMT8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7232	Nguyễn Văn Ngay	02/01/40			82/4 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7233	Nguyễn Văn Phú	01/01/40		270062320	1/10/60 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7234	Nguyễn Văn Tiếng		01/01/37	270032291	83 CMT8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7235	Nguyễn Văn Tường	01/01/28		270018116	48 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7236	Nguyễn Văn Tuyên	08/11/38		270019137	160/4 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7237	Nguyễn Văn Còn	01/01/30			24/19 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7238	Phạm Kim Lân	06/20/34		270992632	63 Hà Huy Giáp	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7239	Phạm Thị Âu		01/01/39		1/10/48 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7240	Phạm Thị Bạch		01/01/31	270021012	127/12 KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7241	Phạm Thị Cẩn		01/01/40	270018703	35/2 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7242	Phạm Thị Chi		01/01/32	272112072	105/16	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7243	Phạm Thị Chính		01/01/33	270032205	2C KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7244	Phạm Thị Huệ		02/01/37	270018798	21/3 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7245	Phạm Thị Hương		01/01/35	270033429	98/26 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7246	Phạm Thị Lai		01/01/33		114 QL1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7247	Phạm Thị Minh Bằng		01/01/40		19 CX5 tầng kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7248	Phạm Thị Ngời		01/01/24		160/18/8 CMT8 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7249	Phạm Thị Nhàn		01/01/34	270018023	112/20 Hà Huy Giáp	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
7250	204	Phạm Thị Sự		01/01/34	270290915	59/2 CMT8			
7251	205	Phạm Thị Thanh Mỹ		01/01/40	270019319	160/22/13 kp3			
7252	206	Phạm Thị Tốt		01/01/28	270017829	68/1/19/4 KP4			
7253	207	Phạm Thị Trọng		01/01/31	272446499	124/1/5 KP3			
7254	208	Phạm Thị Tuốt		01/01/33	270033356	98/2A KP1			
7255	209	Phạm Thị Xuân Ngân		08/25/36	270033289	100/15 kp1			
7256	210	Phạm Văn Mậu	10/10/35		272500703	160/31, KP3			
7257	211	Phạm Văn Mưu	02/16/34		270031271	36/23/28 đường 30/4			
7258	212	Phan Phát Tân		01/01/35		110B CMT8			
7259	213	Phan Thanh Liêm	11/01/36		270012470	18/21/10/14 kp4			
7260	214	Phan Thị Ba		01/01/38	270017462	62/11/6A kp4			
7261	215	Phan Thị Be		01/01/27	271754933	107/7 KP4			
7262	216	Phan Thị Diệu		01/01/26	270032047	71/3 KP3			
7263	217	Phù Kiên		01/17/37	270029190	16/2B kp2			
7264	218	Tạ Thị Cơ		08/12/39	270005838	124/10 kp3			
7265	219	Thái Thị Dân		09/10/38	270260116	38 kp2			
7266	220	Tô Thị Lài		01/01/31	270019755	79 KP3			
7267	221	Tô Văn Kiệt	07/12/37		312165127	7/17, KP3			
7268	222	Tổng Văn Phé	09/24/38		270695531	73B kp3			
7269	223	Trần Ngọc Lang	08/23/39		270017872	74/8 kp4			
7270	224	Trần Quang Tri	01/01/40		270223848	62/35C kp4			
7271	225	Trần Thị Ca		01/01/36	272376732	A18, cư xá tỉnh ù, QL1, KP1			
7272	226	Trần Thị Chữ		01/01/32		168 Kp3			
7273	227	Trần Thị Lang		07/07/36	272499165	100/1B kp1			
7274	228	Trần Thị Liên		01/01/34	270033404	98/12C kp1			
7275	229	Trần Thị Lộc		01/01/31	290018978	C33 KP2			
7276	230	Trần Thị Lợi		01/01/36	270017366	36/21, kp4			
7277	231	Trần Thị Miên		09/18/36	270011664	65C kp1			
7278	232	Trần Thị Mỹ		01/01/33	270018242	46/12/2 QL1			
7279	233	Trần Thị Năm		01/01/30	270002474	7/15 KP3			
7280	234	Trần Thị Nở		01/01/33	270031408	18/21/15 Kp4			

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
7281	Trần Thị Thuộc		01/01/33		71/18 Kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7282	Trần Thị Thúy		02/02/39	270860066	2B kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7283	Trần Thị Trung Hòa		01/01/31	270031017	107/27 KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7284	Trần Thị Vẻ		01/01/37	270010984	82/16 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7285	Trần Thị Xuân		01/01/29	272681070	E21 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7286	Trần Ương Anh		01/01/23	271691506	124/2/14	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7287	Trần Văn Bốn	01/01/39		272971873	36/29 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7288	Trần Văn Luông	07/10/33		270061498	73C Kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7289	Trần Văn Tụng	10/22/38		270793726	62/9 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7290	Trang Thị Tề		01/01/28	270019606	7/11 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7291	Trương Đình Bông	03/02/39		270366661	P11 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7292	Trương Thị Bút		01/01/37	270346848	24/25 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7293	Trương Thị Cúc		01/01/38	270033255	102/35 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7294	Trương Thị Dần		08/24/38	270029108	108/22/2A kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7295	Từ Chánh	12/22/38		270378304	82/9 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7296	Từ Thị Ngan		01/01/31	270018515	35/18A KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7297	Vân Thị Bé		01/01/31		10/19 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7298	Viên Mười		06/02/37	270695540	12/2/1 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7299	Võ Thị Ngọc Trung		01/01/35	270005652	39 Hưng Đạo Vương	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7300	Võ Thị Tài		01/01/30	270618699	35/12 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7301	Võ Thị Thu		01/15/34	270029311	12/2/3 Võ Thị Sáu	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7302	Võ Thị Xuân Chi		12/15/38	270032003	41 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7303	Võ Trang Quon	01/01/38		270008656	32 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7304	Vũ Thị Khánh		01/01/30		KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7305	Vũ Thị Nghĩa		01/01/36	270018469	111D, CMT8, kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7306	Vũ Thị Thiên		02/24/40		71/20A kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7307	Huỳnh Thị Mỹ Phương		01/01/77		71/21 Hưng Đạo Vương	Người đơn thân nghèo đang nuôi 01 con	300.000	1.500.000	
7308	Đỗ Trương Thị Cẩm Hằng		01/01/89	272287088	89/12 KP1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
7309	263 Dương Kim Nghiệp	01/01/71			12A Cách Mạng Tháng Tám	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
7310	264 Dương Kim Thọ	01/01/82			12A Cách Mạng Tháng Tám	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
7311	265 Lê Hoàng Anh	01/01/90		272222769	160/63/1B CMT8	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
7312	266 Lê Thị Mai Trang		01/01/68		36/29A KP4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
7313	267 Lương Văn Sang	01/01/03			1/40A KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
7314	268 Nguyễn Cao Trí	01/01/69		270772809	74/2 KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
7315	269 Nguyễn Công Luận	05/11/73		271043916	160/42/3B kp3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
7316	270 Nguyễn Đình Chiến	01/01/73			62/27, KP4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
7317	271 Nguyễn Minh Bằng	05/21/70			24/51/3 QL1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
7318	272 Nguyễn Minh Thiện	11/29/83			160/35 CMT8	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
7319	273 Nguyễn Phú Thịnh	01/01/99			82/9A KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
7320	274 Nguyễn Thành Lũy	09/11/59		270096168	1/7B KP1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
7321	275 Nguyễn Thị Hoài Linh		01/01/85		108/20/8 KP3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
7322	276 Nguyễn Thị Kim Dung		05/21/94	272686671	160 CMT8	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
7323	277 Nguyễn Thị Kim Ngân		01/01/87		24/90A KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
7324	278 Nguyễn Thị Ngọc Trâm		09/10/89	274970154	160/31/1 CMT8 KP3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
7325	279 Nguyễn Thị Thanh Vân		06/03/68		62/21/2 kp4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
7326	280 Nguyễn Trần Bảo Ngọc		01/01/94		24/18B KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
7327	281 Phạm Nguyễn Hoàng Anh		01/01/95		56/9/2B KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
7328	282 Phan Lê Thu Hằng		01/01/02		CX Tỉnh ủy KP1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
7329	283 Phùng Thị Kim Đức		20/05/196 3		30/4 CMT8	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
7330	284 Trần Đức Hiếu	01/01/70		270858695	59, KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
7331	285 Trần Hồng Phúc	01/01/65		270770979	14, KP3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
7332	286 Trần Ngọc Thái Hiền		04/07/88	270694752	1/1/1 Võ Thị Sáu	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
7333	Trương Thị Ngọc Bích		01/01/86	271744687	17C KP1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
7334	Bùi An Khang	01/01/54			160/14 KP3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
7335	Đỗ Thị Lan		01/01/41	270029002	90/5/20 kp3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
7336	Đỗ Thị Nga		01/01/34		46/24 QL1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
7337	Đỗ Thị Quý		02/04/44		62/29/2 kp4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
7338	Đỗ Văn Xuân	01/05/36			95/1, Hưng Đạo Vương	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
7339	Dương Duy Diện	07/19/59			11 Hưng Đạo Vương	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
7340	Dương Tấn Phát	01/01/45		270019751	74/19 CMT 8, KP3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
7341	Dương Thị Xàng		01/01/42	270017553	62/21/2/4 kp4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
7342	Hồ Thanh Trung	01/01/30			89 KP1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
7343	Hồ Thị Phở		01/01/33	270141560	72 Kp2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
7344	Hồ Thị Thăng		01/01/33		104B Kp1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
7345	Lê Thị Dung		01/01/37	270007070	47/1/4 kp2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
7346	Lê Văn Bé	07/12/56		272097823	90/22 tổ 15 kp3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
7347	Lưu Văn Kiều	09/11/48		270032189	30/3/1 kp2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
7348	Lý Thanh		08/20/39	270672389	124/2/16 KP3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
7349	Mai Hùng Minh	01/01/38		271021837	19 kp1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
7350	Nguyễn Ngọc Huệ		01/01/42	270079345	160/22/5/15 kp3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
7351	Nguyễn Thị Mai		01/01/37	270373572	71/7 QL1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
7352	Nguyễn Thị Nga		10/13/53	272118155	160/45 kp3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
7353	Nguyễn Thị Châu		01/01/31	270033621	124/12/3/1 KP3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
7354	Nguyễn Tiến Dũng	04/27/53		270914712	160/31/9B KP3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
7355	Nguyễn Văn Châu	10/30/49		272439289	90/3/17B, KP3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
7356	Nguyễn Văn Giới	01/01/58		270018691	35/14-KP2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
7357	Nguyễn Văn Trai	09/12/43		272883716	160/39 kp3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
7358	Phạm Thị Năm		03/18/56	270948981	74/25 CMT8	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
7359	Phạm Thị Tâm		01/01/39	270031097	18/21/29 kp4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
7360	Phan Thị Biền	01/01/16		270423346	74A/10, KP2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
7361	Tạ Ngọc An	05/10/50		270145311	61D kp2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
7362	Thái Thị Sáu		01/01/32	270260160	62/4 QL1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
7363	Trần Thị Lang		01/01/37		C7 cư xá Bạch Đằng	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
7364	Trần Thị Nhường		01/01/36		E8, cư xá bạch Đằng	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
7365	Trần Thị Phương		01/01/38		46/4/7 kp2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
7366	Trương Thị Xinh		04/16/54		71/5C kp1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
7367	Đinh Văn Nhật	02/27/12			18/21/1 kp4	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
7368	Lại Bích Ngọc		01/01/05		82/10 KP2	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
7369	Lê Anh Duy	01/01/06			62/11/6 KP4	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
7370	Lê Nguyễn Minh Dũng	01/01/08			36/23/16B KP4	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
7371	Nguyễn Khánh An		09/24/15		74/6A kp2	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
7372	Nguyễn Thanh Tuyền		08/25/12		21/7 kp3	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
7373	Phùng Phát Đạt	24/01/2009			30/5/2 kp2	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
7374	Trần Nguyễn Phương Nam	03/04/04			56/2 KP2	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
7375	Trần Nhật Anh	06/19/11			19 CMT8	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
7376	Trần Thảo Nguyên		11/01/14		160/31/1 kp3	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
7377	Bùi Thanh Sang	11/12/67		271003729	108/12/15 KP3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
7378	Châu Nguyệt Tâm		01/01/66	270893831	90/5/22 KP3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
7379	Đào Danh Phước	09/16/89		271307269	55A/1 KP1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
7380	Đào Doãn Nam	01/10/84			38 kp2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
7381	Đỗ Thị Hằng		01/01/87	272722420	24/15/2C KP2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
7382	Hà Thị Kim Loan		01/01/67	270695534	C7 cư xá Bạch Đằng KP2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
7383	Hồ Thiên Nga		01/01/90	272399726	108/20/1 CMT8	NKT nặng	450.000	1.500.000	
7384	Hồ Văn Anh	04/27/68			82/16 kp2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
7385	Huỳnh Hoàng Anh	12/13/67		270710894	62/21/2/2B kp4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
7386	Huỳnh Kim thu		01/01/68	270711001	28 KP2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
7387	Huỳnh Lương Thanh Hải	04/09/65		270641741	98/5/1 kp1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
7388	Huỳnh Thụy Linh Đan		01/01/87		18/21/11 KP4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
7389	Kim Phượng		12/01/70	270858362	46/7/13 kp2	NKT nặng	450.000	1.500.000	